NĂM THỨ TƯ — Số 152 Thứ năm 27 Juillet 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Một đoạn lịch sử ngoại giao... — *Hoa-Bằng*
* Một quyển sách nói về kinh tế học — *Nguyễn-văn-Tố*
* Con hổ « ngoại giao » của dân Đại Việt — *Song-Cối*
* Tùy bút — *Thi-Nham*
* Nam dân bát châu thi thảo — *Tùng-vân Đạo-Nhân*
* Đại nam dật sự (XXXVII) — *Ứng-hòe*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Dịch thơ Đường — *Trúc-Khê*
* Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam — *Đào-trọng-Đủ*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXVIII) — *Ứng-hòe*
* Ca dao mới — *Lãng-ngâm-Tử*
* Bốn năm qua — *Nhật-Nham*
* Ba người thợ cần mẫn (II) — *Lê-Thanh*
* An-Tư, tiểu thuyết (V) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

MỘT ĐOẠN LỊCH SỬ NGOẠI GIAO

giữa Ta và Tàu hồi cuối thế-kỷ thứ XVIII

HOA-BẰNG

Sau khi quân Thanh đại bại dưới bóng cờ thiện-chiến của trang anh hùng nước Nam Càn-Long nghiến răng căm giận, đòi Tôn-Sĩ Nghị về kinh hậu cứu, cử Phú-Khang-An (1) làm tổng đốc Lưỡng Quảng (Quảng đông, Quảng tây), đốc suất binh mã chín tỉnh, đem 50 vạn quân, định ngày kéo đến ải Nam-quan, chực quyết một phen sống mái với ta để rửa cái nhục thua trận trước (kỷ dậu, 1789).

Nhưng, còn đang trù trừ trước cái mưu-định ấy, Khang-An đã được ngay một bài học nước mắt: 20 vạn quân của Sĩ-Nghị nào đâu đâu cả? Bây giờ chỉ thấy chiếc thân lếch thếch, tiêu tụy trong bộ áo một viên tướng bại-trận, chết lụ trên về. Khang An lại phong vào oai-võ của vua Quang-Trung và khí-diễm của quân Tây-sơn, nên khôn ngăn ngại vứt bỏ cái «chiến», ôm lấy chữ «hòa», nhưng kiếm lời miệng bằng câu đạo-đức giả: «Nam, bắc tả được binh lửa, thật là phúc lớn cho sinh-linh và cũng là cái may to cho kẻ biên thần.»

Đại Việt đại thắng! Những vua Quang-Trung định tạm gác binh đao, muốn giải quyết việc giao-hiệp với nhà Thanh bằng cách hòa bình.

Dân Tàu bấy giờ vì tin lời đồn-đại, tưởng Tây-sơn kéo thật sang tận nơi địa Tàu giết tuyệt giống khách, nên họ mới nôn nao kéo nhau chạy trốn! Thực ra, bản tâm vua Quang Trung, khi đó, chưa hề có ý xâm-lược nước Tàu. Chính ngài đã tỏ ý ấy trong thư viết cho Thang-Hùng-Nghiệp, binh-bị-đạo ở Quảng-tây: «*Bộc lòng vô xâm biên, phạm cảnh dĩ đắc tội vu Thượng-quốc.*» (*Tôi không hề có ý xâm phạm biên cảnh để được tội với Thượng-quốc*).

Ý ngài nghĩ: nước nhà sau cơn ly-biến, nguyên-khí đã kiệt, cần phải bồi-dưỡng lâu mới khôi phục được nguyên trạng. Thế mà chính-sách khôn-khéo bấy giờ là lấy phải làm hòa với Thanh để mình có dịp thi-giở mà mài nanh, rửa vuốt đã.

Kế-hoạch ấy đã định, nhà tự lệnh Ngô Thì-Nhậm cứ việc đi theo con đường do vua Quang-Trung đã vạch sẵn mà tiến hành công việc ngoại-giao.

Bấy giờ nhà Thanh đã «sệt», có ý muốn hòa, nên Tả giang binh-bị đạo Thang Hùng Nghiệp gửi một thư cho Tây-sơn, gợi ý bảo vua Quang-Trung nên nhân dịp này nâng-đỡ cho khéo mà lên thế chấn họ Lê, Nghiệp sẽ đứng trong ngầm giúp cho chóng nên việc.

Bằng giọng «trịch thượng» kém lịch sự và vụng ngoại-giao, lời mật thư ấy của Nghiệp đây:

«.. Xét ra họ Lê bên An-nam thần-phục Thiên-triều đã lâu, một sớm bị họ Nguyễn Tây-sơn nhà người (!) chiếm đoạt mất đô thành, nên Hoàng đế (chỉ vua Thanh) phải sai tướng đem binh ra khỏi cửa ải, khôi phục đất nước cho họ Lê, và cử cho vẫn được nối chức chịu phong như trước. Chẳng dè Lê-Duy-Kỳ đốn kém, vô tài, không thể dấy nhức làm được trò trống gì cả song cứ dắt mẹ chạy trốn hoài, đến nỗi làm cho nhà Lê không ngóc lên được! Từ đây về sau, Thiên triều quyết không thể đem nước An-nam mà giao cho Lê Duy-Kỳ nữa.

«Họ Nguyễn Tây-sơn nhà người (!) nên nhân trước khi chưa có chỉ dụ, mau mau làm biểu đem sang đây, gõ cửa kêu với Đại Hoàng-đế (vua Thanh) rằng Lê-Duy-Kỳ không được dân vọng trông vào, nhân dân bơ-vơ tan đi bốn ngả, bất-đắc-dĩ tôi phải đem binh ra, thay nhà Lê mà vỗ-về dân chúng. Nào ngờ dọc đường tinh linh gặp phải quân nhà vua dụng ai họ giết này: tình thế dữ-dội lắm (!). Nếu chúng tôi bó tay chịu trói thì thế nào cũng đến bị giết hết sạch (!).

«Vì vậy dám di-binh (!) thi-mục (!) theo tôi phải hết sức chống cự lại. Chúng tôi tự biết tội là có tội (?) nặng lắm. Hiện nay, tôi đã tra xét hai người chống cự thiên-binh (quân Thanh) ấy, đem ra trị tội cho chính pháp cả rồi.

«Rồi nên nhờ người tâu xin với Đại Hoàng-đế (vua Thanh) cúi thương thói tợ (!!) không

biết gì, uốn theo lời vỉnh mà dằn lòng tha thứ. Nên chăng cử để Lê-Duy-Cần dựng giám-quốc? kính xin Nhà-vua ban hiểu chỉ phán bảo cho.

« Đặt lời cung thuận như vậy, chắc được Đại Hoàng đế soi xét lòng thành, sẽ cho nhà ngươi (1) chủ-trì việc nước. Bấy giờ sẽ có thể lại sai người sang kêu cầu Thiên-triều ban cho ấn-điển (chỉ việc cầu phong).

« Bản-đạo (Thang-Hùng-Nghiệp tự xưng) nhân vì giữ chức ở biên-giới, tương lai có rất nhiều việc giao-thiệp với An-nam, nhà ngươi (1), nên phải viết thư kín này mà ngỏ ý cho biết.

Thuận theo thì được phúc, trái nghịch thì phải vạ, tùy nhà ngươi (1) tự chủ đây...» (dịch theo nguyên văn chữ hán) (2).

Nhận được bức mật thư ấy của Nghiệp, vua Quang-Trung biết người Thanh ra mặt làm hòa, chứ chẳng dám giở trò gì nữa, nên mới chịu cho người đứng lên dàn xếp như vậy. Vì thế nhà vua lại cáng coi khinh « Thiên-triều ».

Chứng cớ ấy tỏ rõ ở trong tờ biểu của ngài (3) gửi cho vua Thanh Càn-Long do phó đô-đốc Hồ-hồ-hầu thân đem sang Tàu (4):

«... (lược).

«.. Tôi là Nguyễn-Quang-Bình (5) ở khuất nẻo bên An-nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thanh giáo.

« Nguyên từ hai trăm năm tới nay, quốc-vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến Tiền-vương Lê-Duy-Chuyên (tức vua Hiển-Tông nhà Lê) tuổi già, tiện phụ chính Trịnh-Đống mờ tối biếng nhác: binh kiêu dân oán, trong nước rã-rời!

« Tôi vốn kẻ mặc áo vải ở Tây-sơn nhân thời-thế, nổi lên làm việc Mùa hạ năm bính-ngọ (1786) cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

«Năm ấy, (bính-ngọ 1786). Tiền Lê-vương tạ thế (6), tôi lại phò lập Tự-tôn là Duy-Kỳ (Chiêu Thống) lên nối ngôi. Duy-Kỳ là người dâm bạo, không lo chính sự nước nhà: trong thì kỷ cương rối bét ở Triều-đình, ngoài thì gây hiềm khích với biên-giới. Lại còn hãm hại kẻ trung-lương, giết chết người đồng tông là khác nữa: Thần, dân trong nước chạy đến kể-lể với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

« Tôi nghĩ: nước nay là nước đã được Thiên-triều phong cho tôi đâu dám tự tiện làm việc phế-truất?

« Mùa đông năm đinh-mùi (1787), tôi sai một viên hiệu tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên ta hữu giúp Kỳ làm xằng thì Duy-Kỳ lại sợ bóng sợ gió, đương đêm chạy trốn, tự tước lấy cái ấn vào mình.

« Mùa hạ năm mậu-thân (1788), tôi tiến đến đô-thành nhà Lê, lại giao cho Duy-Cần, con Tiền Lê-vương, giữ lấy nước, coi việc thờ-tự. Tôi từng sai sứ-giả sang gõ cửa ải, bày đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

« Nhưng mẹ Duy-Kỳ đã trước sang Đầu-áo ải (có sách viết là « Khả lưu ải ») kể-lể xót xa với Tôn-Sĩ-Nghị, tổng-đốc Lưỡng Quảng, rồi lăn lăng cầu cứu.

« Sĩ-Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái cớ tại sao Duy-Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng đức Hoàng-đế, lại Ngài phân xử để dẹp rối loạn.

(*Còn nữa*)

HOA-BẰNG

---

1) Tự là Giao Lâm, họ Phà xét người Mãn thanh (theo « Thanh kiều sư lược » của Tả đăng Sở Tài quyển 7, tờ 23) thuộc về dinh Hoàng kỳ. Trong An-nam nhất thống chí chép là Phúc Long An.

2 3) Bức thư của Nghiệp này và bài biểu của Quang-Trung dưới đây đều là những bản sao-lục, viết tay, chép trong « Tây sơn bang-giao tập sách trường Bác cổ » chữ thảo lắt, có nhiều chữ rất khó xem. Tôi phải lựa ý mà dịch. Trong có ít chữ lặt vặt chẳng cần sẽ sách đôi chút, nhưng tinh thần và nguyên ý thì quyết đúng không sai.

Nguyên văn bằng chữ hán do Phan huy-Ích làm Đại thần thì giống bài « Kỷ dậu xuân thông khoái biểu » chép trong Giu am văn tập, đệ nhất sách (sách viết trường Bác-cổ số A 604), tờ 23 a 25 a. Những bản chép trong « Giu am văn tập » chưng là bản sao sửa lại cho khỏi xô giọng khiêu khích — Bản dịch đây tham bảo cả sách này và « Tây son bang giao tập », cùng Đại Nam chính biên liệt truyện »

(4) Đây theo « Tây son bang giao tập ». Còn theo « Giu am văn tập » (tờ 25 a) thì chuyến đem đồ cống và đệ bức biểu văn nầy sang Tàu có hai vị sứ-giả là Nguyễn Hữu-Chỉnh và Vũ Huy Phác.

(5) Một tên khác của vua Quang Trung.

(6) Vua Lê Hiển Tông (1740 1786) mất ngày 17 tháng 7, năm bính-ngọ (1786).

Một quyển sách nói về Kinh-tế học

Ứng-hào NGUYỄN-VĂN-TO

Ông Nguyễn hải Âu mới biên khảo một quyển *Kinh tế học phổ thông* cho tủ sách « Tân Văn hóa » in trong tạp-chí *Văn Mới* số 28-29, ra ngày 25 tháng 2 tây năm nay. Sách dày 237 trang. Văn vẻ tự-nhiên, nghe dễ hiểu lắm. Giá cứ theo những sách kinh-tế của tây, như quyển Charles Gide *Eléments d'économie politique* Julien Boi el, *Notions d'économie politique*, v. v. là những sách đã thông dụng, thì những người không thạo văn tây sẽ được lợi nhiều. Nhưng ông lại không theo hẳn, tuy có dựa vào sách tây, nhưng xếp đặt không có lần lượt rõ ràng, thí dụ phần thứ nhất nói về sản-xuất, có bốn chương : « 1 là những động lực xuất sản, 2 là cách tổ chức xuất sản, 3 là những hình thức tập trung lực lượng xuất sản, 4 là Khủng hoảng ». Các sách phổ-thông về kinh-tế học của tây không xếp như thế, bắt đầu nói về điền-địa, thứ hai đến tác dụng, thứ ba đến công-nghệ, thứ tư đến tư-bản. Sách của ông Âu nói « chương thứ 1 về động lực xuất-sản », thì trong chữ động lực cũng có nghĩa điền-địa, nhưng lại thêm cả nghĩa nhân công, và nghĩa tiền-tài ; sách tây nói tác-dụng, công nghệ rồi đến tư-bản, tức là chương thứ tư mới nói về tư-bản, mà sách của ông Âu lại nói « chương thứ 4 là Khủng hoảng » ; có lẽ như thế không được rành rọt cho lắm.

Đến những câu thí-dụ ông cũng không biết lựa chọn ; đáng lẽ ông lấy ngay những thí-dụ ở bên ta, thì người xem quốc-ngữ mới dễ hiểu ; đây ông lấy những thí-dụ ở bên Tây, thành ra người mình xem không khỏi ngạc nhiên vì người đọc quốc-ngữ không thạo chữ tây, đã không đọc sách tây thì ít người biết tình hình bên tây thế nào, mà hiểu nổi câu thí dụ của tây. Như trang 15, ông nói : « Thuở xưa người thợ còn đi lang thang, mang theo ít đồ dùng làm việc để đạm nơi cầu đến nghề mình. Tình cảnh người thuở ấy gần như tình cảnh người thợ cối xay ở vùng thôn quê ta ». Ông nói thế, không đúng, chính xã-hội ta bây giờ, hãy còn nhiều nghề phải đi chứ không riêng gì người thợ đóng cối xay, ngày như Hà nội Hải-phòng còn nhan nhản những thợ mộc vác trảng đục, thợ sơn ta đem mặt cưa và thép sơn, thợ đóng thùng, thợ chữa khoá, đi ngoài đường ; thế mà ông Âu nói « người thuở xưa » có phải là cảnh bên Tây không ?

Ông lại thí dụ nhiều câu quá thậ-thà, như trang 18, có câu : « Một khối sắt, một cây lim, 50 người trong một giờ có thể kéo đi được một đoạn đường chừng vài bốn trăm thước, ấy thế mà cứ để một người làm luôn trong 50 giờ hoặc hơn nữa, thì đâu vẫn nguyên đó, không xê chuyển đi được một ly ». Luật lao-động ngày trước thì một tuần lễ làm 40 giờ, hiện nay cũng có khi làm đến 50 giờ, hay hơn 50 giờ, ông thí dụ 50 giờ tức là một tuần lễ, nhưng không ai lại giao một khối sắt, một cây lim cho một người thợ kéo trong năm sáu ngày, mà kéo một ngày không chuyển, thì phải tìm phương-kế khác, không ai để đến một tuần lễ, mà đâu vẫn nguyên đó !

Thiết tưởng khoa học kinh-tế, chưa mấy người làm ra sách quốc ngữ, mà lại dẫn những thí-dụ không hợp cách như thế, thì ai tin là môn học kinh tế có quan hệ đến sự sinh-sản, sự lưu-thông, sự phân-phối và sự tiêu-thụ trong nước ? Chính ra môn học kinh-tế rất có ích lợi, giúp đỡ cho đời nhiều lắm ; nguyên hai chữ ấy do chữ « Kinh bang tế thế » của Tàu nghĩa là « sửa sang việc nước giúp đỡ cho đời », sau mới thiên dùng ra nghĩa « lý tài » nhưng nghĩa này là nghĩa hẹp, chỉ là một bộ phận trong kinh-tế mà thôi.

Ông Âu dùng những câu quá đáng, như trang 21, ông nói : « Làm xong được một công việc, người thợ có cái tật (!) là phải ngắm đi ngắm lại, xem đã vừa ý chưa .. » và trang 24 có câu : « Người ta có thể nói muốn công việc ở trong công trường được hoàn toàn, cần ngu si (!) hơn là thông minh ». Dù đứng vào phương-diện nào, cho là phương-diện sản xuất nữa, cũng không nên dùng những chữ như chữ « tật » mà gán cho người thợ, cả chữ « ngu si » cũng vậy. Đây là ông không hiểu rõ những sách nói về kinh-tế nên ông nhận nhầm như thế. Cho-

là người tham việc đến đâu, cũng không cấm người họ ngẫm lại đồ mình làm. Còn như phân công mà bảo ngu-si hơn thông minh, thì thật là không biết trọng nhân-nhẫm. Có lẽ tại ông xem ở quyển sách tây nào đó, có những chữ quả đáng như chữ « nhân loại tư-bản » (capital humain) : chính những chữ ấy người Tây cũng đã kêu vì sếu coi người cũng như đồ vật thì còn gì là loài người ?

Đây là mới nói 24 trang trên, nếu xét đến cả quyển, thì còn nhiều chỗ phải chữa như thế, cũng đáng tiếc cho một quyển sách, văn quốc-ngữ được thông hoạt mà dùng nhầm chữ, thành ra giảm mất một phần lớn giá-trị.

***

TRẢ LỜI BÁO THANH NIÊN

Báo *Thanh-niên*, số 36, ra ngày 15 tháng 6 tây vừa rồi, lại có bài *Về vấn đề chữ « thà » và « chẳng thà »*. Bài này cũng như bài trước (đăng ở *Thanh niên* số 33) không trả lời được câu nào, nhưng đã thú nhận là bẻ xằng.

Trước kia *Thanh niên* (số 28, ngày 11-3-1944, tr. 6) đăng ở mục *Thấy đâu nói đó* mấy dòng như thế này (tôi sao lại nguyên-văn để độc-giả so với lời thú nhận của *Thanh niên* đăng lại dưới này) :

« Tri-Tân số 119 trang 10, ông Nguyễn văn Tố có (!) viết : « Ta sắp vì đạo Nho mà làm quan, thì đạo Nho không thi hành được, ta sắp vì cha mẹ mà làm quan, thì cha mẹ không còn, *chẳng thà* chết già ở đây còn hơn ».

« Tại sao lại viết *chẳng thà* ? Chữ *Thà*, tức là dịch chữ *Nhưng* ra, ... có nghĩa là : « đành thế còn hơn ». Trong Việt-Nam Tự Điển về chữ Thà có mấy tỉ-dụ : « Thà chết không chịu nhục... Để con chẳng dạy chẳng răn, Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng... Thà rằng chẳng biết cho xong, Biết bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu ».

« Chữ « chẳng » có nghĩa là không, vậy để *chẳng thà* là nói nghịch lại (!) với ý muốn (!) của mình sao ? »

Tôi đã trả lời trong *Tri tân* số 136 và số 143-145. Nay *Thanh-niên* chịu rằng : « Chữ *Chẳng thà* nếu dùng riêng ra, thì có khi người ta cũng dùng lẫn với nghĩa của chữ *Thà*... » (*Thanh-niên*, số 36, ngày 15-6-44, tr. 11).

Thế sao ba tháng trước *Thanh-niên* lại hỏi « để *chẳng thà* là nói nghịch lại (!) với ý muốn (!) của mình sao » ?

Những thôi ! Đã chịu thú là được rồi (1).

Sở-dĩ tôi phải viết thêm mấy dòng này, là tại *Thanh-niên* lại mới bịa ra một câu ngỗ-nghịch như thế này : « Nói rằng « Thà » và « Chẳng thà », đồng một nghĩa với nhau, vậy thì trong câu « *Thà* chết, *Chẳng thà* nhục » mình muốn cái gì ? Thú thật, tôi không hiểu nổi... »

Thanh niên không hiểu nổi là tại *Thanh-niên* bịa chữ « chẳng thà nhục », chứ nguyên văn của người ta là « Thà chết không chịu nhục » : tính *Thanh niên* đã chép đúng như thế trong số 28, ngày 11-3-1944, tr. 6, cột 3, dòng 16 (tôi vừa sao trên này).

Để mới biết cái mánh khóe của *Thanh niên* trước còn « thấy đâu nói đó » ; vì không hãy chữ « chẳng thà » trong *Việt-Nam tự điển*, nên bồi một câu rất là dom-dở, mà lại tỏ cái kém của mình ra ; — sau tôi vạch rõ chỗ nhầm, thì *Thanh-niên* đổi ra thủ đoạn « ba đâu nói đấy », bịa ra những « nguyên bản lỗ », « không nguyên làm dít con trâu », làm cho ai cũng phải bật cười ; — cũng kỳ lý, phải là nhận là « chữ *Chẳng thà*... cũng dùng lẫn với... chữ *Thà* », nhưng muốn che cái lỗi của mình đi, mới bịa ra câu « *Thà* chết, *chẳng thà* nhục », làm như độc giả *Thanh niên* toàn là những tuồng trẻ con nói sao nghe vậy, không ai nhớ, ai hiểu gì hết !

Lại viết những câu vô lý như thế này : « tôi không thấy ông tôi được bước nào khá hơn kỳ trước ! Thế nào gọi là « tiến » ? Người ta dùng đúng nghĩa, mình ra chê người ta là sai, nay lại bảo người ta « không ... tiến » là thế nào Nếu « tiến » thì thành ra người ta lại theo cái sai của mình ư ?

Có phải là « đánh trống lấp » không ? Nhưng nào có thể mà thôi đâu, lại còn đặt chuyện để vu-bơ độc-giả, như chuyện « ... tìm bắt những chữ bọt chữ sai (!) để khỏi phải đăng lại nguyên-văn bài *Trả lời* ... và cũng để dễ bề trích sai trích thiếu ... » (2).

« Trích sai » chỗ nào ? Sao không dẫn ra ? Nói vu-vơ như thế, không sợ bà « bên nhà » mắng rằng : « *Thanh-niên* bây giờ cũng đều như thế ư ? »

(*Xem tiếp trang 11*)

Thống-chế Pétain đã nói :

Quốc dân pháp tự cao tự trọng về nước Pháp và nước Pháp cũng tự hào về mỗi người Pháp. Đó là nền trật tự mới mà ta muốn thiết lập. Chúng ta cúc cung tận tụy vào việc này. Vậy các người hãy tận lực giúp sức thêm ào.

Việt sử mỹ đàm

Con hổ « ngoại giao » của dân Đại Việt

Đời vua Lê Đại-Hành (980-1005) xưa, nước ta đã có chuyện đem con hổ làm « quà ngoại giao » cho sứ Tàu.

Nguyên, bấy giờ vua Lê Hoàn, sau khi phá tan giặc Tống, cầm vận mệnh cả nhân-dân xã-tắc xứ này bằng một bàn tay đầy oai thiêng.

Nhà Tống, vì việc thông-sứ, có sai Tống Cao sang ta.

Để tiếp sứ Tàu, vua Lê có sai vài mươi người mang cung rắn tới vài tới vài mươi trượng, để cung làm món ăn cho sứ-giả nếu sứ giả có can-đảm dám dùng.

Ngài lại sai đem đến hai con hổ buộc lại, để sứ-Tàu muốn xem lúc nào thì xem (1).

Việc tiếp đãi sứ giả một cách kỳ-dị như vậy thật là hiếm thấy trên trường ngoại giao quốc-tế.

Nhưng đó là chuyện đã lâu đời. Trên đoạn lịch sử cận-đại của ta lại còn có chuyện lấy hổ làm rạng rỡ uy thế với người ngoại quốc nữa.

Tài liệu ấy tôi xem thấy trong truyện «Nguyễn Văn-Duyệt» thuộc « Việt-nam danh nhân dật sự, IV » của Trần Long đăng trên tờ *Nam-phong* tập 2, số 6, ngày 1 juin 1944, trang 23, xuất bản ở Chợ-lớn. Vậy xin trích dịch ra đây để làm thiện giai-thoại trên sử đàn.

« ... Năm 1813 Lê (Văn Duyệt) làm tổng trấn Gia-định, trong cõi yên ổn, bốn rợ trên đều phục. Lê từng dẹp yên cuộc nội loạn nước Cực miền, phò lập vua Miên

« Có lần, sứ Miên vào yết-kiến, gặp lúc Lê đang uống trà bẫm với đường phèn, nhai rôn rau-rấu. Bấy giờ người Miên chỉ biết đường cát, chứ chưa biết lối chế đường phèn, nhân hỏi Lê ăn cái gì thế. Lê nói đùa rằng ăn « trứng đá ». Sứ Miên sửng-sốt lạ lùng, coi Lê là bậc Thiên-thần. Rồi đồn-đại truyền đi, trăm họ lại càng sợ và phục Lê Tổng-trấn.

« Đương hồi ấy, Gia-định có cái sở thú rất rộng, nuôi đến vài trăm con hổ dữ, nhốt mỗi con ở riêng một chuồng gỗ.

« Có một năm, Lê muốn diễu võ dương uy cho mời sứ Tiêm-la đến. Lê sai con nuôi là Lê Văn-Khôi truyền sức quân tính hiệu-diễn trò đánh cọp. Quân và dân dự xem có tới vài vạn người. Khôi cởi trần, đóng khố, tay trái cầm cái chân giò lợn, tay phải cầm thanh thiết-giản, sồng-sộc đến mở cửa chuồng. Nào ngờ cọp tính rất hung-dữ, xông ra chực vồ. Khôi né mình rồi vụt lên, huơ cây thiết-giản đánh con cọp ngã lăn ra. Người xem ai cũng lè lưỡi khen ngợi không ngớt. Chỉ riêng có Lê giả cách nổi giận, trách Khôi vô tội trái lệnh sao không bắt sống lấy con cọp dữ. Liền dô Khôi lại biểu-diễn lần nữa : chân tay không, đấu sức với con mãnh hổ. Bốn bề chiêng trống ầm-ầm trợ oai, làm cho trời rung đất chuyển. Chốc lát, tiếng ồn-ào bỗng im bặt, chỉ thấy Khôi vật ngã cọp cọp dữ, trói ghì lại, điệu đến để phục mệnh.

« Sứ Tiêm sợ run rất sắc, tán thán là một cuộc kỳ quan. Còn Lê thì thản nhiên mỉm cười, bảo sứ Tiêm : « Đàn hèn tốt ở bô hạ, tôi về như thế cả, có gì đáng lạ ! »

Xem hai « chuyện lịch-sử » trên đây, đủ biết con cọp Đại Việt xưa thủa xưa cũng đã làm cho nhiều bạn láng-giềng phải kinh hồn nát vía.

SÔNG-CỐI

Thơ dịch

KÝ HỮU

Loạn hậu thân bằng lạc diệu không.
Thiên biên thư tín đoạn chinh hồng
Cố viên qui mộng tam cành vũ
Lữ xá ngâm hoài tứ bích trà ty.
Đỗ lão hà tằng vong Vỵ-bắc,
Quản Ninh gio tự khách Liêu-đông.
Việt trung cố cựu như tương vấn.
Vị đạo sinh nhai tự chuyển bồng.

Nguyễn Trãi

Dịch:

Sau cơn loạn lạc bạn bè thưa,
Thư tín bên trời vắng nhạn đưa,
Vườn cũ ba cành mưa lần mộng,
Quê người bốn vách rêu ngâm thơ.
Quản-Ninh còn ở Liêu đông mãi,
Đỗ lão nào quên Vỵ bắc xưa.
Bạn cũ hỏi thăm, nhờ nói hộ:
Sinh nhai luân-quẩn tựa gồng tơ.

Thi-Nhan

(1) *Việc này có chép trong « Lịch-triều hiến chương — Bang giao chí » của ta và trong « Văn hiến thông khảo » của Tàu. Ứng-Hoè tiên sinh đã nói đến trong bài « Nước Nam ta về đời Tiền Lê » đăng ở Tri-Tân số 3 trang 9*

NAM ĐÀN BÁT CHÂU TH THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN đạo nhân

LXXIV

Phú-đắc « **quả mai, ba bảy còn vừa.** »

(Phê Kiều 39)

Vẻ cúc lan, vốn dòng nhà diễm;
Bấy dù ba? Nay đã đếm quả mai
Tuyết sương mưa nắng đòi hồi;
Sẽ tay có rụng, xuân thời vẫn xanh.
Chương-đài nọ, thương liễu tình tơ bẻ.
Cầm đường nay, mừng hạnh vẻ hoa chào.
Nghi-gia nát khúc yêu-đào;
Câu chuyện xe vào, ai chớ gạt đi.

Chú-thích

Quả mai = Kinh Thi: « *Siêu hữu mai, kỳ thực tầm hề, kỳ thực thất hề,* » nói người đàn-bà đã nông tuổi, ví như quả mai đã lác-đác rụng, kíp mong thành ra thất. « Sếu » nghĩa là rơi rụng.

Nghi gia = Kinh Thi: « *Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu-quy, nghi kỳ gia-nhân.* » Nói người con gái đương tuổi đào non, mà có hiền-đức, khi mới về nhà chồng. « Nghi » là ý hòa-thuận.

LXXV

Phú-đắc « **Đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ** »

(Phê Kiều 40)

Tư-mã với Bá-Nha phiếm đàn so khác
Ai biết phương đổi-chác ấy cho không?
Ngọc-đường kim mã vui chung,
Phận ngoài đôi lứa, nghĩa trong bạn bè
Khi hoa nở, bặt phe chuông trống,
Lúc trăng lên, bầy cuộc rượu thơ.
Biết nhau trên ngón đường tơ,
Yêu nhau trong thú nước cờ ngày xuân.

Chú thích

Tư-mã = tức Tư-mã Tương-Như, khúc « Phượng cầu hoàng » phiếm đàn so về soang điệu vợ chồng, tức là ý nghĩa cầm sắt.

Bá-Nha = tức Bá-Nha với Chung-Kỳ, cùi tại « cao sơn lưu thủy » phiếm đàn so về soang-điệu bè bạn, tức là ý nghĩa cầm kỳ.

Bặt phe chuông trống = Kinh-Thi: « *Yêu-điệu thục nữ, chung cổ nhạo chi, cầm sắt hữu chi* », nói sự vui vẻ về phe vợ chồng. « Bặt » nghĩa là im lặng.

Bầy cuộc rượu thơ = « cầm, kỳ, thi, tửu, » nói cuộc nhã thường ở phe bè-bạn.

LXXVI

Thục nữ trí cao thơ.

(Phê Kiều 41)

Trải trường tô, trường hùm, cửa không, mấy kiếp,
Chỉ gái này, len-lét bóng trăng cao.
Khác người sớm mận, tối đào,
Tiếc danh yểu điệu ôm điều kiên trinh
Đuốc hoa nối những vành ngoài âu yếm;
Tấm gương trong thề chẳng chút bụi trần
Thanh nhàn đọc truyện giai nhân;
Phong tình lục cổ, có vần « Quan-thư ».

Chú-thích

Len lét = Dáng lệ trong sáng, và ý nghiêm ngặt hái nói cả: « *tâm sự này len lét bóng thu ba* »

Quan thư = Kinh Thi, thiên Chu nam, thơ *Quan thư*: « *Quan quan thư cưu, tại hà chi châu; yểu điệu thục-nữ, quân tử hảo cầu* » Khen người thục-nữ có cái đức trinh-linh u nhàn, xứng đáng lứa đôi với quân-tử. « Hảo cầu » nghĩa là « lứa-đôi ai lại đẹp ấy. »

LXXVII

Phú đắc:

« **Trời kia đã bắt làm người có thân** »

(Phê Kiều 42)

Ai béo ai gầy ai chàng-nhàng cụ thể?
Trời ghét ai mà trời dễ yêu ai?
Buộc cho tai mắt hình hài,
In khuôn luân lý khác loài chim muông.
Sinh, tử, giàu sang xem chữ « mệnh »
Kinh-luân phun nhả góp vai tài.
« Khí nên trời cũng chiều người ».
Có thân ta phải học bài tu-thân.

Chú thích

Sinh, tử, giàu, sang = Luận ngữ: « *Tử, sinh hữu mệnh; phú, quí tại thiên.* »

Tu-thân = Đại-học: « *Thiên-tử chí thứ-nhân, tu thân vi bản* »!

Hà đông HI ÁN-THỊ

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 36 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXVIII.— Nhà Ngô (Bài nối)

Trước đây (từ năm 945 đến năm 950) Dương Tam Kha cướp ngôi, thế là « lấy nghịch phạm thuận », nên lòng người đều giận, những anh hùng ở nơi rừng rậm « nổi dậy như ong ». Đến năm (951) Ngô Xương Văn đã lấy lại được Cựu nghiệp, thế mà trong nước vẫn rối loạn như cũ !

Bây giờ có một người độ nhất anh-hùng « không tiền tuyệt hậu » lỏ đầu ra, tức là Đinh bộ Lĩnh và con là Đinh Liễn. Đinh-bộ Lĩnh là người động Hoa-lư, tuổi nhỏ mà chí lớn. Nhân trong nước loạn, Bộ-Lĩnh và con là Đinh Liễn đến tương tựa Sứ quân là Trần minh-Công. Minh-Công thấy Bộ-Lĩnh khôi ngô, mà có khí phách độ lượng, nhận giao cho việc binh. Đến khi Minh-Công mất, Bộ-Lĩnh thống-lĩnh quân ấy, giữ động Hoa-lư, cậy có non sông hiểm trở, không chịu thần phục hai vua Ngô.

Hai vua Ngô (Ngô Xương văn và Ngô Xương-ngập) muốn khởi binh đến đánh, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Đinh-Liễn vào làm con tin để hoãn binh. Khi Đinh Liễn đến, hai vua Ngô bắt giam Đinh-Liễn, rồi lại đi đánh, đánh mãi đến hơn một tháng không được. Hai vua Ngô bèn cho Đinh-Liễn ở trên cầu, sai người bảo Bộ-Lĩnh rằng : « Nếu không chịu hàng thì giết Đinh-Liễn ». Bộ-Lĩnh nổi giận, nói rằng : « Người đại trượng-phu cốt ở công danh, chứ đâu bắt chước bọn đàn bà trẻ con đâu ? » Nói rồi, sai hơn mười tên cầm nỏ, chĩa vào Đinh-Liễn toan bắn. Hai vua Ngô thất kinh nói rằng : « Ta sở dĩ treo con bắn, là định buộc lòng hắn phải theo. Nay hắn tàn-nhẫn, như thế thì giết vô ích ». Rồi không giết Đinh-Liễn mà thu quân trở về. Sau Liễn lại về Hoa-lư (*Khâm-định Việt-sử*, q 5, tờ 24 a và b).

Lúc bấy giờ một nước hai vua cộng việc quyền bành thật là khó xử. Thiên-sách vương (tức Ngô Xương-ngập) vậy là anh, nên chuyên quyền oai phúc, Nam-tấn-Vương (Ngô Xương văn) không được dự chính-sự, nên sinh ra hiềm khích ; được hơn một năm, Thiên-sách-vương mất. (năm 954) Nam tấn Vương mới thân hành chính-sự. Sai sứ sang xin mệnh-lệnh ở nhà Nam-Hán, Hán Cuông là Lưu-Thành phong cho Ngô-vương làm Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ kiêm đô-hộ (*K. đ.*, q 5, tờ 25 a và b).

Về việc Xương-Văn sai người sang Nam-Hán, sử Tàu chép rằng : « Năm thứ 12 của Lưu-Thành (954) nhà Nam Hán, Ngô-xương-Tuân (chính là Xương-Văn của ta) ở Giao châu sai sứ xưng-thần, xin tiết việt, Xương Tuấn là con Ngô-Quyền, từ đời Lưu-Cung, Ngô-Quyền giữ Giao-châu, Cung sai Hồng-Tháo (tức Hoằng-Tháo) sang đánh, Hồng-Tháo bị chết trận, không sang đánh nữa. Ngô-Quyền chết, Xương-Ngập nối ngôi, Xương Ngập chết, em là Xương Tuấn nối ngôi, mới xưng thần với Lưu-Thành. Thành sai cấp-sự-trung là Lý-Dữ, đem tinh-tiết sang chiêu dụ. Dữ đến Bạch-hạc, Tuân sai người ngăn cản nói rằng : « Giặc bể làm loạn, đường xá không đi được » Lý-Dữ đi không đến nơi (*Tân Ngũ-đại sử*, q. 63, thế gia, tờ 3 b và 4 a).

Được ít lâu, nước ta có Chu Thái là người quận Thao-giang, quật cường không phục, Nam-Tấn-vương thân-chinh thêm được Chu-Thái. Quen thói thắng trận, sinh kiêu, nên mới mắc nạn (*K. đ.*, q 5, tờ 26 b dẫn sử Ngô-thời-Sĩ).

Nguyên năm ất-sửu (965) là năm thứ 15 của Nam-Tấn-Vương, có hai thôn Thái-bình và Đường-nguyên, đã lâu ngăn không theo mệnh lệnh, Nam-Tấn-Vương thân đem quân đi đánh hai thôn ấy, quân đến nơi, vua dùng thuyền dưới bến, lên bờ để đốc chiến, bị mũi tên phục bắn phải, mất ở trong quân (*Đại-Việt sử-ký, tiền biên*, q. 7, tờ 12 a). Thế là Xương Văn làm vua được 15 năm, (951-965), từ bấy giờ trong nước không có vua, mới nổi lên thời-kỳ 12 sứ quân để thêm giá tài anh-hùng cho Đinh bộ Lĩnh.

Về việc Phạm Lệnh-công giần Ngô Xương-Ngập ở Sơn-động, để thoát khỏi cái lệnh nghiêm-ngặt của Dương-Tam-Kha, sử thần Ngô-sĩ-Liên bàn rằng : « Phạm Lệnh-công thật là người dụng-tâm trung nghĩa ! Dương khi Tam-Kha là kẻ gia-thần, đuổi con đích của chủ mà cướp ngôi vua, lại lấy Xương-Văn làm con mình, việc làm giả dối, ai mà không biết ; người trong nước bấy giờ ai cũng phải nhận Tam-Kha là vua, thế mà

Phạm-Lệnh-công dám giấu Xương-Ngập, là muốn cho họ Ngô không đến nỗi tuyệt-tự. Cái việc Trịnh-Anh chử-cữu lại thấy hồi bấy giờ! Ai dám bảo một nước lớn như nước Tấn mà lại không có trung-thần nghĩa-sĩ ?» (*K. đ.*, q. 5, tờ 21 b 22 a).

Sử-thần Ngô-thời-Sĩ có bài khen Phạm-Lệnh-công rằng: «Tam Kha là chỗ thân-thuộc ngoại-thích, nhận lời gửi tâm-phúc, thế mà lừa dối bồ côi, khinh người góa-bụa, làm những việc thoán nghịch; nhưng khi đã cướp ngôi của họ Ngô, lại nhận Xương Văn làm con mình, là tại sao ? Vì Xương-Văn tất là Dương-hậu sinh ra, lúc ấy tuy Dương hậu không tự trông nom lấy nước, nhưng cũng giúp đỡ các con. Đối với Tam-kha lại là tình cậu cháu, nên không nỡ ; Đến Xương-Ngập tất là anh thứ của Xương-Văn, cho nên tìm bắt rất gấp, cam tâm làm điều bất nghĩa! Ấy ngoại-thích làm hại quốc-gia của người như thế! Ngô-Quyền tuy là người anh-hùng hào-kiệt một thời, mà không biết xưa nay giao chính-sự cho mẫu-hậu, gửi con mồ-côi cho ngoại gia, rồi đến rủa ngọc dồi dào. Xương-Văn sở dĩ còn hơi thở ở nơi tặc-thần, Xương Ngập sở dĩ còn sống sót ở tay nghĩa-sĩ, đều là có lẽ giời. Vì Ngô-Quyền lấy đức giả thù cho Dương-điền-Nghệ, cho nên Lệnh-công lại lấy đức giả thù cho Ngô-vương, cái quả báo về trung-nghĩa, rõ rệt như thế! Phạm Lệnh-công là hạng người thế nào ? chỉ một niềm gìn-giữ con bồ-côi, khó khăn gặp ghềnh thế nào, cũng không ngã lòng. Tam-kha đem cái quyền-lực cả nước để tìm bắt, tìm bắt không được cũng không biết làm thế nào! Ôi! mưu kế sâu sắc, tài lực anh hùng, họ hàng mạnh cánh, có lẽ vì ba cớ ấy khuất-phục được Tam-Kha, tiếc rằng không biết được rõ lý-lịch của Phạm Lệnh-công» (*Đại-Việt sử-ký tiền biên*, q 7, tờ 9 a và b) *fh.*

Sử-thần Lê Văn Hưu có câu chê Xương-Văn rằng: «Tam Kha đuổi con vua mà tự-lập thế là tội công, nuôi con vua làm con mình mà cho ăn lộc, thế là ơn riêng; Hậu Ngô vương (Xương-Văn) không bắt Tam Kha về tội thoán-nghịch, mà lại nói ra miệng rằng vì ơn riêng không nỡ giết hình, lại cho ấp ăn lộc, chẳng tầm tội lắm ru!» (*Đ. v. s. k. tiền biên*, q 7, tờ 10 a).

Về việc Xương-Văn đón Xương Ngập về cùng coi việc nước, Ngô-sĩ Liên có bài bàn rằng: «Nam Tấn vương (Xương Văn) đón Xương-Ngập về cùng coi chính sự, có thể bảo là đúng vào câu «Khắc cung quyết huynh = Hay kính người anh» muốn cho cùng hưởng phú quý Nếu Xương Ngập biết lấy cớ không công trạng gì để nhường em cùng hưởng lộc lộc hưởng đức, bà chẳng rực-rỡ lớn-lao lắm thay! Đằng này lại câu chấp vào phận đích-trưởng, Xương vương coi chính-sự, tự ý chuyên quyền ra oai tác phúc, đến nỗi Nam tấn-Vương không được dự chính-sự, rất là trái nghĩa «hữu vu»: chí-khí thật là ty-lậu» (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q 5, tờ 23b).

Sử-thần Lê-văn-Hưu có bài bình luận Xương-Văn rằng: «Ngô Nam-Tấn (tức Xương-Văn) trước bị gia-thần là Tam-Kha bắt tù, sau phải anh là Xương Ngập ức-chế, thế mà một mai đắc chí, không biết tự mình cẩn thận, để cho hưởng nước không được bao lâu; không ai rõ chính sự ra sao, đáng tiếc! Xem ngay việc tha tội cho Bình-vương, chẳng phải là người nhân từ? dung tùng cho Xương Ngập ngày một kiêu ngạo, chẳng phải là kính thuận ư? Vừa nhân từ vừa kính thuận ư, cũng có thể biết được là người thế nào».

Ông Ngô sĩ Liên tuy luận rằng: «Ngô Nam-Tấn lấy nghĩa trừ kẻ tàn bạo, khôi phục được cơ nghiệp Hán-vương, có thể yên được linh-hồn của tổ-tông, mà được lòng tức giận của thần và người; đến chính-trị thì mới thấy nhân nhu không hành hình về tội Tam Kha thoán nghịch khinh nhàm việc vo, mới sinh ra việc đi đánh hai thôn Thái bình Đường Nguyễn rồi sau bị tên xa mà chết, đáng thương!» (*Đ. v. s. k. tiền biên*, q 7, tờ 12 b và 13 a).

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Đã có bán:

MỘT MỐI TÌNH

Của cụ Phạm-Huy-Toại

Giá 3$00

Cuốn Một mối tình của cụ Phạm Huy Toại, nguyên Bố Chánh tỉnh Sơn Tây. Phần thứ nhất là văn trước-tác của cụ lớn, vẫn uyển-chuyển, lưu loát, ý văn thâm thúy, thanh-cao. Phần thứ hai gồm có những bài dịch những áng văn thiên thu bất-hủ, trong văn học-sử Trung-hoa, như Quy-khứ-lai-từ của Đào-tiềm, Tiền-Xích Bích-Phú của Tô-Đông-Pha, vân vân, có in cả chữ nho, và dịch ra thơ nôm.

Một mối tình là một cuốn vẫn kiệt-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẢY BÔNG LÚA LÉP

Tức Hoa Mai số 40

của Nam Cao Giá 0$50

HƯNG ĐẠO-VƯƠNG

Tức Hoa Mai số 41

của Tiêu-Lang Giá 0$50

Nhà xuất-bản Cộng Lực

No 9 Rue Takou Hanoi

Tài-liệu để định chính những bài văn cổ

Số 60

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều *(bài nối)*

Hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (1910, tr. 104; 1943, tr 381) và phường-bản của Quan-văn đường (tờ 49 b) chép câu 1555 và 1556 như sau này: « Tuần sau bỗng thấy hai người, Mách tin ý cũng liệu bài tân công. » *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Trường Bác-cổ, số AB 234, tờ 45 a) chép là « Mách tin rắp cũng ». Kinh-bản của cụ Kiều oánh-Mậu (*Đoạn trường tân thanh*, tờ 39 b) chép là « Tuần sau bỗng có hai người, Mách tin rắp cũng liệu bài tân công ». Câu trên lấy chữ « bỗng thấy » nay hơn « bỗng có », vì đã dùng chữ « bỗng » là nghĩa tự nhiên, thì « thấy », chứ không phải là có sẵn; câu dưới theo chữ « rắp cũng » hay hơn chữ « ý cũng »; tuy nghĩa như nhau, nhưng dây dùng vào bọn tiểu-nhân nên đặt chữ « rắp » thì mới phải cái khẩu-khí của họ.

— Hai bản quốc-ngữ và phường-bản chép: « Vội-vàng xuống lệnh ra uy, Đứng thì vả miệng, đưa thì bẻ răng » Kinh-bản chép: « ...làm dữ ra uy »: ở Trung-kỳ có tiếng « làm dữ », nghĩa là làm ra mặt dữ-tợn; không rõ chính-bản viết chữ nào, nhưng chữ « xuống lệnh ra uy » mới phải giọng bọn nhà quan.

— Phường-bản và quốc-ngữ chép « Buồng đào khuya sớm thảnh thơi ». Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* chép « Buồng thêu »: chính hữu « thêu » mới phải, vì thêu dệt là nữ-công, nên người ta gọi chỗ đàn bà ở là buồng thêu; còn như dùng chữ « Buồng đào » là do chữ « đào-yêu » (đào non), « đào-kiểm » (má đào) là con gái đến thì hoặc con gái đẹp, thì không hợp vào cảnh Hoạn-thư; đối với con nhà quan đã có chồng rồi, phải gọi buồng ấy là buồng nữ-công, chứ không gọi là buồng con gái đẹp.

— Câu « Thuận lòi chàng cũng nói xuôi đỡ đòn », kinh-bản chua chữ « đỡ đòn » cũng như chữ « đỡ dần », « hai chữ một nghĩa; nhưng « đỡ dần » là có ý giúp cho người ta; « đỡ đòn » là cơ ý tự phòng lấy mình ».

— Các bản nôm cũ và quốc-ngữ đều viết là « Tình riêng chưa dám rỉ răng »; duy kinh-bản viết chữ « hở răng ».

— Bản quốc-ngữ 1920 (tr. 107) viết « Vô câu vừa giỏng dặm trường ». Kinh-bản, phường-bản, *Kim Vân Kiều chú* và quốc-ngữ mới (1943) đều viết « Rơi câu vừa giỏng dặm trường ». *Vương Kim diễn tự* viết « Ngọn roi vừa chỉ dặm đường »: câu ấy muốn hay hơn, vì cách câu trên (1602) đã có chữ « Vọ gậu thẳng ruổi », đến câu này lại đặt « Roi câu vừa giỏng », thì trùng ý, không ai đặt như thế nên theo câu « Ngọn roi vừa chỉ dặm trường ».

— Phường-bản, *Vương Kim diễn tự*, *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Hãy đem dây thắm buộc chân nàng về ». Kinh bản và quốc-ngữ mới (tr. 393) viết là « Hãy đem dây xích buộc chân nàng về ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 107) biên là « dây tới » và chua rằng: « Có bản sửa là dây trói, có bản sửa là xích, là thắm, là tới ». Kể ra cũng « dây thắm » mới là giọng văn ở đoạn này, vì Hoạn-thư bản với mẹ lập mưu cao, không cho Thúc-sinh biết thì không khi nào nói những tiếng « dây xích, dây trói » là tiếng thô-tục. Nguyên có chữ « xích thằng » là dây đỏ, tức dây thắm, là dây của Nguyệt-lão xe đôi lứa nhân-giảo; Hoạn-thư đem dây thắm để buộc Kiều về, có ý mỉa Thúc-sinh. Chữ « thắm » nôm viết « xích » bên chữ « thắm », vì thế có người sợ chữ « thắm » xa nghĩa, mới đọc là « xích »!

— Phường-bản, *Kim Vân Kiều chú* và bản quốc-ngữ 1920 (tr. 108) chép là « Thân sao lắm nỗi bất-bằng, Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao! » Bản quốc-ngữ mới (tr. 397) viết là « nghĩ nau », thì chữ « nau » không phải. Kinh-bản chép là « Liều như ả Tố cung tráng nghĩ nào », chữ « nghĩ nào » và « nghĩ nao » cùng nghĩa, nhưng chữ « nghĩ nao » ít nói đến. Kinh-bản muốn lấy chữ « nghĩ nào » cho dễ nghe, mới đổi làm « ả Tố cung tráng » nghĩa cũng như ả cung Quảng ả Hằng, nhưng nghe câu cũ vẫn hay hơn.

— Các bản nôm và quốc-ngữ đều viết « Dưới hoa dậy lã ác-nhân, Ầm-ầm khốc quỉ, kinh thần, mọc ra »; duy kinh-bản viết là « rẽ ra ».

— Các bản cũ đều viết « Vực ngay lên ngựa tức thì ». Kinh-bản viết là « Đặt ngay » Kiều bị thuốc mê, thì chữ « vực » mới phải.

Câu dưới các bản đều viết: « Phòng đàn, viện sách, bốn bề hửa giong ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Phòng thêu, viện sách », chữ « thêu » mới phải, đã cắt nghĩa ở trên.

— Các bản đều viết « Sẵn thấy vô chủ bên sông, Đem vào để để lậu-sông ai hay ». Kinh-bản chép « Đem vào để đành lậu-sông ai hay », nghe phải hơn.

— Phường - bản kinh - bản và quốc - ngữ mới (tr. 403) viết là « Di-bài nhặt sắp về nhà ». Bản quốc-ngữ cũ (tr. 110) viết là « nhặt khắp » thì không phải. *Vương im diễn tự* chép là « nhặt lấy về nhà », tưởng thế tự-nhiên hơn, vì trong khi nhặt tức phải sắp, nếu đặt chữ « sắp » thì cầu - kỳ quá ; thường nói « sắp nhặt », ít ai nói « nhặt sắp ».

— Đọc đến câu « Sang nhà cha, lời trung-đường, Linh-sàng bài-vị thờ nàng ở trên », ai cũng tấy làm lạ : người chết hãy còn trong tuần tối-khốc, sao được thờ ở trung-đường? Có lẽ phong-tục triều Minh như thế chăng ?

— Các bản đều viết : « Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau, Để ai rắp tâm, quạt sâu cho khuây ! » Kinh-bản chép là : « Tương càng nghĩ, nghĩ càng đau, Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay ». Cụ Kiều-oán-Mậu nói « Nên theo kinh - bản ». Kể ra câu này theo phường bản có lẽ tự-nhiên hơn. Vả, đoạn này tả cảnh Thúc-sinh thương - nhớ Kiều, thì dùng chữ « đoạn-trường » không phải, vì chữ « đoạn-trường » chỉ ở miệng Đạm-tiên và ở Kiều mới đúng. Nếu Thúc - sinh khóc Kiều mà lại dùng chữ « đoạn-trường » thì chẳng hóa ra mỉa Kiều ư !

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Dịch thơ Đường

旅夜書懷

Lữ dạ thư hoài

細草微風岸

Tế thảo vi phong ngạn

危檣獨夜舟

Ngụy tường độc dạ chu

星垂平野闊

Tinh thùy bình dã khoát

月湧大江流

Nguyệt dũng đại giang lưu

名豈文章著

Danh khởi văn chương trư

官應老病休

Quan ưng lão bịnh hưu

飄飄何所似

Phiêu phiêu hà sở tự ?

天地一沙鷗

Thiên địa (1) nhất sa âu.

ĐỖ PHỦ

Giải thích

Bài này tác giả thai nghén long đong chẳng gặp cơ hội mình. Đây là cảnh ở trong chiếc thuyền lênh đênh trôi nổi. Hai câu đầu tả cái cảnh gần mà nhỏ : Bờ cỏ lăn tăn, gió hiu hiu thổi, một con thuyền trong đêm khuya vắng mang cây cột buồm cao chênh vênh, người ngồi trong chiếc thuyền ấy buồn biết chừng nào ! Rồi đến những cảnh rộng xa : Những ngôi sao như rủ xuống cảnh đồng bằng thênh thang, ánh trăng như lưng tôe lên giữa làn nước trôi trên sông lớn.

Bốn câu dưới mới tả đến ái tâm hoài của mình : người ta nhờ ở văn chương mà nên danh, nhưng văn chương của mình có thể nên danh được đâu ; xưa nay những người làm quan thường vì già ốm mà phải phế truất, vậy mình đã đến lúc già ốm, chính nghĩ quan đi là phải. Ngày nay mình trôi giạt nơi đây mai đó thật là vô vị chẳng khác chi con chim lẻ ở giữa khoảng gió cát mênh mông.

Chú dẫn

Đỗ Phủ trước từng làm quan ở kinh đô Tràng an, nhưng không được nhà vua tin dùng, bị đổ ra ngoài. Ông cung chức ở ngoài ít lâu, sinh lòng buồn nản, rồi bỏ quan ra đi, lang thang ở xứ Ngô mấy năm rồi lại ra vùng Kinh Sở. Bài thơ này làm vào lúc lang thang đó.

Dịch ra thơ

Đêm khách tả lòng

Cỏ bờ gió thổi êm êm,
Cần cao, một lá thuyền chìm trong khuya.
Đồng xa sao rủ lấp lòe,
Sông xô ánh nguyệt vàng hoe mặt đoàn.
Văn chương hay dễ thành danh,
Mà già, yếu, thôi đành nghỉ quan.
Lênh đênh thân đáng phàn nàn,
Như con cát nước không làn, bơ vơ.

THÚC-KHÊ dịch

(1) Có bản chép là « thiên ngoại ».

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Tôi vừa mới nhận được một bức thư ở Saigon gửi lên. Ký giả tự xưng là một người đọc chậm hiểu và ký tên Ngu ễn-van-Nho. Không biết có phải ông Nguyễn-văn-Nho, giá s. trường Pétrus Ký hay ông Nguyễn văn Nho khác? Ông không b ên rõ địa-chỉ và chức-phận, nên tôi bắt buộc phải đăng bài này lên Tri Tân, gọi là giả nhời bức thư « vấn a » của ông.

Đoạn thứ nhất, Nguyễn-q ân « vấn nan » tôi về nguồn gốc chữ « chồng » và hỏi tôi : « Sự b ết của tá g ả do đường nào ». Câu hỏi rộng quá. Muốn xét cho cùng lý-lý, tôi phải thưa lại với ông : Sở dĩ tôi là tôi là nhờ ơn bảo mẹ sinh-thành. Tôi đã là tôi rồi thì bao nh eu cái b et của tôi nó do đó mà ra cả. Cai b e của ng ời ta, bình n ư phấng-p at trong gười đất, không phải của riêng một mình ai, cho nên nhận b ế-sức, ai mà chẳng h ểu v ệc đời chút. Sự biết như ánh sáng mặt giời, mà người biết là h ữ g ma h kính phản chiếu cái ánh sáng ấy ra một nơi khác cho mọi người trông thấy rõ. Có thư kính cứ thế mà phản chiếu có thứ kính lại làm cho những t a-sáng bình hành của mặt giời tụ cả vào một chỗ cho chói lọi thêm lên. Tri thức của người ta cao thấp khác nhau đại-khái cũng như vậy. Triết-học của tôi lờ-mờ chỉ có thế thôi. xin tạm giả nhời ông Nguyễn R ông về nguồn-gốc chữ « hồng », tôi không biết tác-giả cuốn « *Les origines de la langue annamite* » kinh nghiệm và khảo-cứu thế nào. Sự biết của tác giả do đâu mà ra, xin nhờ Nguyễn-quân giảng-giải hộ. Còn sự b ết của tôi, nó xuất ư chỗ tình cờ. Những tiếng « trượng-phu », tiếng « chàng » tôi đọc đi đọc lại không biết mấy mười lần trong *Chinh phụ ngâm*, mà không bao-giờ tôi để ý đến nguồn-gốc chữ « chồng ». Rồi, một hôm, đi xem chớp bóng tiếng quảng-đông, nghe một người đàn bà khách nó « ngộ cô chương phú », tôi thấy ngay cái giây liên-lạc giữa chữ « chồng » và chữ « trượng phu ». Nhân đó tôi lại nhận thấy rằng muốn khảo-xét *tiếng nói* cho kỹ-càng, phải nghe người ta *nói*. Khảo-cứu trong sách, chẳng qua là khảo-cứu những *chữ viết* ra để thay cho tiếng nói, sự kết quả có đâu bằng nghe ngay người ta nói được.

Đoạn thứ hai, Nguyễn-quân lại « vấn-nan » tôi về hai chữ *con voi* và nhắc đến « cuốn sách của một võ quan : *l'Annamite, mère de toutes les langues*. Võ-quan ấy cũng nương-tựa vào nhiều chứng-cớ hiển-hiện để dựng lên lý-thuyết : Việt-ngữ là nguồn-gốc của các thứ tiếng hoàn-cầu. Tỉ-dụ : danh-từ Việt-nam *con voi* sanh ra danh-từ Pháp *convoi*. Không biết có thể theo luật cải-âm, hợp-âm, tụ-nghĩa, phân-nghĩa, tán-nghĩa để tìm giây liên-lạc giữa tiếng *con voi* và tiếng *convoi* không ». Tôi xin thú thực rằng cái giây liên-lạc ấy tôi chưa từng nghĩ tới, cỗi-rễ tiếng « con voi » tôi cũng không hay. Nhưng truyện con voi thì tôi thuộc lòng đã lâu rồi. Tôi thuộc từ khi lên năm, lên sáu, theo Cụ tôi ra miếu làng Cổ, xem thợ sơn họ vẽ « ông Voi, ông Ngựa ».

Con vỏi con voi
Có cái vòi đi trước
Hai chân trước đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi đi sau rốt
Tôi xin kể tốt chuyện con voi :
Con vỏi con voi,
Có cái vòi đi trước...

Cứ thế mà kể đi kể lại, nên tôi còn nhớ đến bây-giờ. Ấy là chuyện con voi Việt-nam. Còn ngoại-quốc thì có chuyện con voi với mấy người lòa. Mấy người này muốn khảo-xét xem hình dáng con voi thế nào, nhưng gặp phải con voi khổng-lồ, nên mỗi người chỉ sờ được có một chỗ. Người sờ đuôi, tưởng voi như cái chổi ; người sờ tai, tưởng voi như cái quạt ; người sờ chân, tưởng voi như gốc cây... Tiếc rằng sách không nói đến anh sờ vòi, nên tôi không hiểu cảm-tưởng anh ta thế nào. Tuy là một chuyện khôi-hài, nhưng rất hợp với công-cuộc khảo-cứu nguồn-gốc tiếng Việt. Ai sờ tai thì biết tai, ai sờ vòi thì biết vòi : toàn thể con voi nào ai đã biết ? Ông Nguyễn-văn-Nho muốn tôi đồng-ý với

ông sao được? Huống-chi nguồn-gốc tiếng Việt-nam có một phần ở tiếng Giao-chỉ. Tìm đâu cho thấy cố-nhân, mà mong so-sánh tiếng Giao-chỉ ngày xưa với tiếng Việt-nam bây-giờ được? Tôi xin hỏi ông Nho: tìm đâu cho thấy cố nhân?... Tuy vậy, người hiếu-học cũng phải cố-công khảo-cứu sự thực tôi không tìm thấy, đã có ông Nho; ông Nho không tìm thấy, đã có biết bao nhiêu người Việt-nam khác. Có nhẽ đâu ta cứ khoanh tay nằm ngủ thiếp-đi một chỗ, đợi thần-tiên đến báo mộng?

Đoạn thứ ba, Nguyễn-quân hỏi tôi sao không lấy cái nhan-đề: « l'annamite, fille de toutes les langues » để bắt người ta chú ý đến vì trong những bài đăng Tri-Tân, ông thấy có ngoại-chứng và nội-chứng mượn ở tiếng Quảng-đông, Bắc-kinh, Triều-châu, Cao-miên và Nhật-bản. Tôi hiểu ý ông lắm. Ông muốn trách tôi cũng con Rồng cháu Tiên như ông sao dám cả gan để xướng lên cái thuyết vong-bản như vậy. Xin ông bớt giận làm lành. Câu chuyện đó, tôi sẽ có dịp bàn lại với ông trên tạp-chí Tri-Tân. Lần này tôi hãng trách lại ông đã. Tôi trách ông đọc mục « Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-nam » mà không để ý đến từng câu. Ngay bài đầu, tôi đã thưa trước với độc-giả rằng khi tôi nói: Hai chữ: *an-nam* » ở chữ Quảng-đông *ôn-nâm*, hay trái lại, chữ *ôn-nâm* ở hai chữ *an-nam*, chẳng qua là một cách nói vắn-tắt cho tiện. Vậy nếu trong bài số 4 (Tri-Tân số 146) tôi có viết:

Cây ở chữ kì tiếng Nhật.

Núi-non ở non = nơn, tiếng Xiêm

Trẻ mang: măng = khu ông, tiếng Miên

Nguyễn quân phải hiểu là:

Chữ *cây* Việt-nam với chữ *ki* Nhật bản có một nguồn gốc chung, ngày xưa âm giọng thế nào ta không biết. Ta chỉ biết rằng hai nguồn gốc chung ấy ở bên Nhật đã thành ra chữ *ki*, ở bên ta đã thành ra chữ *cây*. Chữ *non* Việt-nam với chữ *non* Tiêm-la cũng vậy. Nguồn gốc chung của hai chữ xưa kia thế nào không biết, nhưng hiện nay đã thành ra chữ *non* Việt nam và chữ *non* Xiêm-la. Tôi có bảo người Việt-nam ta sang Xiêm sang Nhật mượn chữ *non* chữ *ki* về làm tiếng người ở đó đâu. Nguyễn-quân nên hiểu là: tiếng Ta, tiếng Xiêm, tiếng Mên, tiếng Nhật có một vài chữ cùng một gốc rễ.

Nếu ta so sánh tiếng Việt-nam với tiếng Tàu, ta lại thấy rất nhiều chữ cùng một nguồn gốc như thế. Nguyễn-quân cứ nhất định không tin, có nhẽ tôi phải lấy tôi ra làm thí dụ. Tôi họ Đào, ở làng Cổ tỉnh Hải dương; khi còn ở Hà nội có người tiếng ông Đào-trọng Kim, làm ingénieur adjoint des Travaux publics, sang Nam-vang lại nghe tiếng ông Đào-tuấn-Kiệt cũng docteur en médecine. Mà đâu có dám nhận họ với hai ông. Nhưng dù không dám, không muốn, hay không thể được, sự thực vẫn là sự thực: ba họ Đào chúng tôi bây giờ tuy không liên lạc gì với nhau, nhưng biết đâu mấy trăm năm về trước không thể hoặc một ông tổ ...

(Xem tiếp trang 20)

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày
Đã phát hành VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN
bà Mộng-Sơn viết quyển thứ-trưng của xã-hội Việt-Nam tác giả phê-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, giáo-dục, lịch-sử, điển-văn, văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ trọng Phụng, Lan Khai, Ánh thơ, hồ Dzếch, Đạm Phương, G. Kr Sơn, P.V. huệ, Lê Du, hoàng ngọc Phách, Trần trọng Kim, Phạm duy Khiêm, Bùi Kỷ, Đoàn phú Tứ, Nguyễn lương Ngọc, Nguyễn xuân Sanh, Phạm văn Bính, hay Cảm Ngô nhất Tố. Giá 2$50
SẮP XUẤT BẢN:
KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH nghiên-cứu của Nguyễn uyên Điểm,
VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI nghiên-cứu của Lương-đức Thiệp
VIẾT VÀ SỐNG của Nguyễn xuân Huy.
CÒN MỘT ÍT:
MẸ TÔI, gia đình tiểu thuyết bà Nguyễn khắc Mẫn Giá 0$60
ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ
131 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 89

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

31 — **Vũ bá-Huyên**, người xã Tùng-du, huyện Gia-lộc, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm tuất 1502. Làm quan đến thừa chánh sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 37 b *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 b chép là người xã Tùng-du huyện Gia-lâm).

32 — **Mạc-văn Oai** (bia Văn-miếu *Đăng khoa bị khảo* và *Lịch triều tiến sĩ đề danh bi ký*, chép là Mạc-văn-Oai, chỉ có *Đăng khoa lục* chép là Mạc-văn-Thái), người làng Mạc-xá, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 27 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b. 62 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 b).

33 — **Nguyễn-tử Kiến**, người xã Lộ-trạch (bia khắc là Trạch lỗ) huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Làm nhà ở xã Tuy-lộc. Năm 26 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến đại lộ thượng-thư, kiêm bảo. Mạc-Đăng-Dung thí nghịch, ông giữ tiết-tháo, không chịu khuất, người đời kính là tiết nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 39 b, *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 b).

34 — **Nguyễn Mậu**, người xã Du-lạ, huyện Thanh-hà, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Trong đời Hồng-thuận (1509-1516) vua Lê Tương-dực thường sai người hái hoa hồng gạo, Nguyễn Mậu dâng sớ can, chạm ý vua, vua sai trung-sứ đánh. Đến năm Hồng-thuận thứ 5 (1513) tháng 4 làm Thanh-hoa biên-sát sứ (*Khâm định Việt sử*, q. 26, tờ 22 b). Bố đình ưu (có tang cha hoặc mẹ) về nhà. Hết chế lại tới kinh, vừa tức Trần-Cảo tiêm hiệu (mồng 6 tháng 3 ta năm 1516). Ông không cưu theo Trần-Cảo: triều-đình khen ngợi. Đến năm đinh-sửu (1517) hiệu Quang-thiệu, ông vốn là người có sĩ-vọng, thăng làm tham-chính xứ mình, kiêm tán lý quân-vụ, chưa bao lâu thăng Thái-bộc-khanh, lại thăng thiêm-đô ngự-sử. Năm canh-thìn (1520) thăng phó-sứ đô-ngự-sử, theo vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Đến khi vua Chiêu-tông bị họ Mạc ức hiếp, ông về kinh đợi mệnh lệnh. Lê Hoàng-đệ-Xuân muốn bắt tội: Phạm-gia-Mô giúp hộ được tha, rồi bị giáng làm Tuyên-quang thừa chánh-sứ, chưa được bao lâu được thăng đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 78 a), *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 53 b) chép « theo Mạc, hưu tân đi sứ ». *Khâm định Việt sử* (q. 2 i, tờ 22 b) khen là người « tiết trực ».

Khoa ất-sửu 1505 hiệu Đoan-khánh thứ 1 đời vua Lê Uy-mục, lấy 55 ông tiến-sĩ. Đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ ba ông. Đệ nhất danh (trạng-nguyên) là ông Lê-Nại, người xã Mộ-trạch, nay là Đường an, phủ Thượng-hồng (nay Bình-giang), tỉnh Hải-dương. Tiên-tổ nguyên là người ở xã Lão-lạt, huyện Thuần-lộc, tỉnh Thanh-hoa. Lúc bé chịu khó học, 24 tuổi đỗ giải-nguyên, tức thứ-khoa thi hương, 27 tuổi đỗ trạng-nguyên. Làm quan đến Hộ-bộ thị lang, khi mất được truy-tặng Đạo-trạch-bá. Sinh ra Lê quang-Bi, đỗ nhị giáp khoa quí-mùi 1523. Là anh Lê-Tài (hoặc Tư) đỗ nhị giáp khoa tân-mùi 1511 (*Đăng khoa lục* q. 2, tờ 1 a) *Đăng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 15 a) chép năm kỳ thi, Lê Nại đều đỗ đầu. *Đỉnh nguyên phật lục* (sách viết của Bác-cổ, số A 1205, tờ 19 b-20 a) chép « khi ông mới đỗ giải-nguyên có quan thượng-thư cùng làng là Vũ Quỳnh gả con gái cho. Sau khi đến gửi rể, cả ngày chơi không, chẳng để ý đến sách vở; Vũ Quỳnh lấy làm lạ, hỏi ông thân-sinh ra Lê Nại rằng: « Vốn nghe rể tôi là người hiếu học, sao từ ngày đến nhà tôi, không thấy học gì cả? » Ông thân-sinh ra Lê-Nại thưa rằng: « Từ ngày con tôi đến quí-đình, tướng-công cho ăn thế nào? » Vũ-Quỳnh đáp: « Nhà nho thanh-đạm, ăn hồng bao nhiêu ». Ông thân-sinh ra Lê-Nại nói rằng: « Con tôi ăn khác người, tướng-công cho ăn như người thường, bảo nào không đủ » Vũ-Quỳnh nghe nói, bữa sau cho ăn gấp đôi. Lê-Nại mới mở sách học một vài lượt, sau cho ăn nồi ba, học đến canh ba, cho ăn nồi tư, học đến trống tư, Quỳnh nói rằng: « Con rể ta có khí-vũ độ lượng hơn người, tất có sự-nghiệp hơn người ». Từ bữa sau cho ăn nồi năm. Lê-Nại học suốt đêm, không dời quyển sách. Đến năm 27 tuổi, thi đỗ trạng-nguyên, thường làm đủa bài thơ để bức truyền thần của mình rằng: « Mộ-trạch tiên-sinh, dĩ thực vi danh, thập-bát bát phạn, thập-nhị bát canh, khôi-nguyên cập đệ, danh quán quần anh, sức chi giã cự, phát chi giã hoành », nghĩa là tiên-sinh Mộ-trạch nổi tiếng về ăn, mười tám bát cơm, mười hai bát canh, khôi-nguyên cập đệ, tiếng chấn các bậc anh-tài, vì có chức nhiều, thì khi phát ra mới rộng ».

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ca dao mới

I

Nắng lo sạm cả má hồng:
Em đi mua rượu cho chồng em đây,
Cuộc đời ai tỉnh, ai say ?
Tỉnh kia mà độc, thà say mà lành.

II

Em đi gánh nước đâu nè ?
Đôi thùng em gánh nặng nề đôi vai.
Ngồn kia nhờ lấy em ơi !
Dù đầy, dù cạn, đừng vơi tấm lòng

III

Ở đời thì thổ ơi đời,
Ăn no, ngủ kỹ là người bỏ đi
Thế gian lắm việc nặng nề,
Vá giời, lấp biển, xưa kia đã từng,

IV

Ngồi không lắm lúc bật cười
Muông xanh, mây trắng cuộc đời bo le !
Gỗ lim không chuộng bằng tre,
Gấm thêu không chuộng bằng the lươi ruồi !

V

An nhàn là thả thần tiên.
Đa mang chi lắm cho phiền cái thân
Nước sông chuột nổng cỏ ngần ;
Cây rừng chim đỗ hai chân một cành

VI

Bao nhiêu những nụ cùng sen
Đã sành chuyện nước, lại quen bùng giầu.
Lập thân phải liệu cùng nhau,
Công lênh được mấy, đâm đầu đâm đuôi

VII

Sông kia ai quăng đục ngầu ?
Mây kia ai thổi trên đầu bơ vơ ?
Cuộc đời ai khéo vẽ trò :
Cao cao chẳng chắn lại mò sâu sâu !

VIII

Con ơi con muốn nên người,
Đoi đất cời đời con phải hẳn hoi.
Con đừng tham những con ơi
Đừng lấy của người, làm của của ta

IX

Dặm cây xanh ngắt một màu,
Nước sông chảy lộn, dịp cầu đò ngang
Ngẩn ngơ cho khách qua đường !
Tấc lòng cỗ quốc, tha hương thêm rầu !

LÃNG NGÂM TỬ

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong nước xứ. Chúng tôi không biết lấy gì cảm ơn, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song tình-hình giấy, mực ngày một khan và đắt, sự tồn-tại của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho tình thế mà thể tất cho. Vậy bắt đầu từ *1er Juillet 1944*, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây :

1 năm	20$00
6 tháng	11.00
3 tháng	6.00
mỗi số	0.50

Trong lúc khó khăn này, chúc các bạn độc giả cũng chiếu tình cho và vui lòng ủng hộ tờ tạp chí văn hóa đang phải vật lộn để sống.

Kính đạt
TRI-TÂN

GIỚI THIỆU

Tri Tân nhận được :

— I. Của nhà Đời mới.

a) *Văn chương quốc âm thế kỷ XIX* của *Phan Trần Chúc* giá 3$50

b) *Hai cuộc âm mưu* của Cho Thiên Hạ sử tiểu thuyết giá 2$50

— II Của nhà Mai Lĩnh :

Trung dung chú giải của Phan Khoang giá 2$00

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc.

T T

HỘP THƯ

Ô/ Phạm Tỉnh Toulouse — Hạn báo của ông đến 30 9 44 thì hết hạn.

— *Bạn Đỗ Tuy Hách Hanoi* Xin gửi nốt đi sau cuối kỳ phải hình C.T.Q.

Nhân kỷ niệm ngày Đô-Đốc DECOUX nhận chức Toàn-quyền Đông-dương

Bốn năm qua

NHẬT-NHAM

Ngày 20 Juillet 1940 Đương lúc tình-thế khó khăn, Đô-đốc Jean Decoux lên nắm vận mệnh xứ Đông-dương. Với chức Toàn-quyền Đông-dương, chẳng bao lâu ngài lại kiêm thêm chức Thượng-sứ Thái-bình-dương. Tuy trách-nhiệm nặng nề mà trong bốn năm qua dù gặp nhiều bước khó khăn, Đô-đốc đã thực-hành được nhiều việc để mưu hạnh-phúc cho dân.

Về phương-diện chính-trị

Về mặt chính-trị, Đô-đốc đã gặp nhiều vấn-đề khó giải-quyết. Nhưng nhờ có trí sáng suốt và có tài kinh-luân, ngài đã giữ được yên bờ cõi, và trong toàn xứ được thái-bình thịnh-trị. Xứ Đông-dương nhờ ngài mà có thể đứng ngoài vòng khói lửa. Tuy vật-liệu và thực-phẩm không được dồi dào, tuy một số dân vô tội bị phi-cơ địch sát hại, nhưng những sự khủng-khiếp, những cảnh rùng rợn của chiến-tranh có thể nói là chưa hề xảy-hiện tại Đông-dương.

Nhờ tài ngoại-giao, Đô-đốc đã ký hiệp-ước với nước Nhật để 2 chính-phủ Pháp-Nhật phòng thủ chung xứ Đông-dương và cùng nhau dùng các phương-pháp cương quyết để đối-phó với thời-cục. Cuộc bang giao giữa Nhật và Đông-dương đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Nội-tình không phải là không vững chắc. Những sự nhu-cầu của dân-chúng đều được đầy đủ trước tình-thế khó khăn, nên người Pháp cũng như người Đông-dương vẫn hăng đuổi công việc hằng ngày trong sự yên-tĩnh và trong nền trật-tự.

Trong công việc mở mang cho xứ Đông-dương, Đô-đốc Decoux đã thực-hành chính-sách liên-lạc các dân-tộc Đông-dương, các bực thượng-lưu và các phần-tử của liên-bang.

Đô-đốc đã sửa đổi nhiều về mặt chính-trị, mục-đích làm cho các cơ-quan chính-trị tiến-hành một cách mau chóng và có hiệu-quả. Ngài mở rộng cách tuyển-cử, cho người Đông-dương được sung vào những địa-vị quan trọng trong chính giới mà trước kia chỉ dành riêng cho người Pháp. Đó cũng là một khoản trong chương-trình hợp-tác giữa người Pháp và người Đông-dương, một sự hợp-tác càng thêm chặt chẽ trong khi theo đuổi một công-cuộc chung.

Đô-đốc Decoux không những thi hành chính-sách hợp-tác mà còn hô-hào dân-chúng giúp nạn-nhân chiến-tranh Đông-dương và mẫu-quốc. Nhờ hiệu-triệu được hưởng-ứng một cách sốt sắng, nhờ vậy mà sự đau đớn giữa các gia-đình bị nạn được giảm nhiều phần.

Về phương-diện kinh-tế

Mấy năm gần đây, vì ảnh hưởng chiến-tranh, nền kinh-tế xứ Đông-dương đã phải chậm chước theo thời. Giữ cho nền kinh-tế trong xứ được vững vàng là một công việc không phải dễ dàng cho vị thủ-hiến xứ Đông-dương.

Về sự giao-dịch với ngoài, theo các thương-ước ký tại Đông-kinh (Nhật) Saigon và Hanoi, phần nhiều việc buôn bán chỉ có thể tiện-lợi giữa nước Nhật và xứ Đông-dương trong tình-thế hiện-thời.

Về sự giao-dịch trong xứ, các sản-phẩm đã đủ cung cho sự nhu-cầu của dân-chúng. Tiểu-công-nghệ, kỹ-nghệ, nông-nghệ được chính-phủ khuyến-khích, nên càng thêm mở mang về tiến-hành một cách rất nhanh chóng.

Cuộc trưng bày mới rồi tại Hanoi đã tiêu-biểu cho sự tiến-bộ của nền tiểu-công-nghệ bản xứ, nhất là về nghề dệt, nghề làm gỗ, làm đồ kim khí, làm giấy, làm bao, làm đồ sứ...

Các phương-pháp mở mang nền kỹ-nghệ được thi-hành để hợp với tình-thế.

Chính-phủ theo đuổi hai mục-đích về nông-nghệ : 1) Giữ vững hay làm tăng sức sản-xuất ngũ-cốc đủ cung cho sự nhu-cầu dân-chúng và để xuất-cảng ; lại nâng đỡ và mở mang việc chăn nuôi và

giống các hoa mầu; 2) ngoài ra, Chính-phủ còn khuyến-khích việc giống các cây dùng vào kỹ-nghệ hay làm thuốc.

Các rừng núi đều được khai-phá để lấy gỗ làm các việc công-tác, làm củi đốt máy hay để thay những chỗ hư-hỏng.

Việc đánh cá cũng được Chính-phủ để ý đến đủ cung cho toàn xứ trong khi không có cá ngoại-quốc nhập-cảng.

Muốn chống lại nạn đắt đỏ, Chính-phủ kiểm soát rất ngặt việc phân-phát và tiêu thụ. Số thực-phẩm đã cấp cho các gia-đình để hạn-chế sự xa-xỉ và nhiều phương-pháp để chống nạn đầu-cơ tích-trữ đã đem lại nhiều kết quả. Sắc-lệnh ngày 14 Mars 1942 công bố tại Đông-dương ngày 8 Mai 1943 đã ủy cho các nhà đương-đạo nhiều phương-pháp công-hiệu để bài-trừ những việc đầu-cơ tích-trữ và tăng giá trái phép.

Công việc của Chính-phủ trong phạm-vi kinh-tế càng thêm khó khăn vì vấn-đề vận-tải gặp nhiều sự ngăn-trở về việc giao thông cũng như về sự thiếu thốn vật-liệu.

Về phương-diện xã-hội

Trước hết, vấn đề vệ-sinh được chú-ý: Mở mang nhiều bệnh-viện, lập các nơi nghỉ mát, đặt công cuộc vệ sinh, tuyển thêm nhiều viên-chức nghạch y-tế, thực hành phương-pháp để phòng bệnh lao và các bệnh dịch tễ, kho thuốc lúc nào cũng được đầy đủ để đủ cung cho các bệnh viện bao nhiêu công việc đều có một mục đích là bảo vệ sự khang-cường cho công-chúng. Nhờ vậy, bao nhiêu bệnh dịch mới phát-xuất đều được tắt được ngay.

Công việc giáo dục dân-chúng được săn sóc và khuyến khích trương. Tại các nơi hẻo lánh cũng đã có trường để mở mang trí thức cho dân. Nhà học-xá Đông dương đã thành-lập và có thể dung thụ được 800 sinh-viên bậc Cao học.

Văn hóa Pháp dung-hoà với tục bản xứ đã có kết quả tốt đẹp.

Nền cao-học đã mở rộng cho thiếu-niên Đông dương về đủ các ngành: luật-khoa, y-khoa, mỹ-thuật, vân vân.

Chính-phủ lại giúp cho phong trào thể-thao và thanh-niên lan-tràn khắp cõi và chú-trọng đến sự khuyến-khích của các cơ-quan văn hóa như trường Viễn-đông bác cổ, các bảo-tàng, các phòng triển lãm, v. v.

Chương trình công-tác

Dù các vật-liệu khan hiếm, dù việc vận-tải gặp nhiều nỗi khó khăn, nhưng quan Toàn-quyền cũng đã cho tuân hành một bản chương-trình công-tác rất đồ sộ: mở mang và sửa sang các đường giao thông, tuân-hành có giám sát nông, xây dựng các công-sở v. v.

Về phương-diện tài-chính

Theo giá sinh-hoạt đắt đỏ, chính-phủ đã tăng lương — bổng và phụ cấp cho các quan-chức số chi ngày thêm tăng nhưng nhờ sự điều khiển khôn-ngoan của Đô đốc mà công-quỹ vẫn giữ được thăng-bằng.

Công-chúng Đông dương đã từng am-hiểu sự cố gắng của Chính phủ về mặt tài-chính, nên ai nấy đều vui lòng mua công-trái, để tỏ lòng tin-tưởng và trung-tín và thi nhiệm một vị thủ hiến có đủ đảm bảo cho số tiền của mình.

Xét qua hành trạng của Đô đốc Decoux trong 4 năm, ta có thể kết luận rằng xứ Đông-dương đã được hưởng nhiều hạnh phúc trong khi năm châu đương chìm đắm vào vòng khói lửa, các dân tộc đương chìm đắm than giữa cảnh nhà xương, sông máu. Được như thế, ta phải quên vị ân-nhân đương cầm vận-mệnh cho mấy triệu sinh linh nằm xứ Đông dương thủy-sử Đô đốc Decoux, Thượng-sứ Thái-bình-dương!

Nhật-Nam

HÃY ĐỌC

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH

Khảo-cứu của **NGUYỄN ĐỔNG CHI** — tác giả « Việt Nam cổ văn học sử »

—Một lối văn rất xưa chưa được ai biết! Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng! Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang *Giá 8$00*

Sách để bán tại TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

BA NGƯỜI THỢ CÀN MẪN

Số 2

LÊ-THANH

«...Nước Nam ta có học hành đã mấy nghìn năm nay mà tư tưởng vẫn hẹp hòi, người vẫn ngu-dốt, cũng vì tại đi học chữ mượn. Một người cầm quyển sách đọc mà có hiểu ra nữa thì cũng chỉ hiểu lấy một mình, nữa huống chi là lõm bõm chữ biết chữ không. Mà sự không hiểu ấy cũng không có phải là tại ngu độn gì. Tiếng tổ tiên mình, tiếng mẹ dạy, nhời vú nói vớ mình tự thuở biết ngồi, mà học được hay cũng còn khó thay nữa huống chi là đi học chữ người...

«...Bây giờ ta muốn ở được trên địa cầu này mà đua tranh với người thì phải học, phải biết tư tưởng là không phải là học lấy đi thi cử. Không phải học lấy chiếu trên trong làng; Không phải học để ngâm phú dịch thơ; nhưng học lấy cách làm người ở đời sao cho bằng người ta; sao cho giữ được địa vị sao cho gánh vác được một vai trong xã-hội.

«Sự học ấy, muốn cho cả nước đều học, muốn cho khỏi mất hai lần công trước hết phải có chữ mình, chữ như tiếng nói, đọc được là hiểu được, chứ không phải như trước muốn học điều hay lại còn phải học chữ nữa...

«Nếu như thế thì tôi thiết tưởng bây giờ mà muốn cho trí dân An-nam chóng mở mang ra, thì phải có sách bằng tiếng nôm. Nhưng trong nước ta bây giờ chưa có ai có tài mà làm được nên quyển sách để dạy dân. Dẫu có học chữ ngoại quốc mà hiểu được một vài ý hay nữa, mà có làm ra sách mới, thì vị tất đã có ai xem, vì cách tư tưởng của mình xưa nay, huyền hồ viển vông bây giờ nghe những nhẽ mới cũng khó vỡ. Vậy trước khi xem được những sách bắt chước ngoại quốc mà làm ra thì dân phải đã biết qua những ý nguyên ấy... Có họa bây giờ, những người họ được các sách hay của ngoại quốc mà cố đem tiếng bản quốc dịch ra rõ được ít nào hay chút ấy, thì người xem đến đâu không biết được hết nghĩa, nhưng cũng vỡ được đại khái.

Vì nhẽ ấy, cho nên chúng tôi định lập ra Hội dịch sách này...»

Dịch sách hẳy cố dịch lấy nghĩa dịch thế nào cho người mình đọc hiểu ngay, không cần dịch cho đúng từng chữ, từng câu mục đích có một công-trình dịch-thuật có giá-trị. Nếu cần lớp nhà văn sau sẽ dịch lại. Cần phải dịch những sách phổ thông lấy làm phương tiện phổ thông tri thức bình dân. Sẽ dịch nhiều sách của phương Tây nhưng không phải là bỏ bẩn những sách của Á-đông, những sách nho, căn gốc của phong tục lễ giáo của mình cũng phải dịch ra cả.

Đó là chủ trương của tiên-sinh, đã phát ra trong bài diễn văn và sau này tiên sinh vẫn giữ mãi mãi.

Làm *Đăng cổ* được ba năm. Năm 1946, Tiên sinh vào Sàigòn làm chủ bút báo *Lục tỉnh tân văn* của ông Schneider và cùng ông này lo tổ chức «in một tờ riêng ở Bắc-kỳ và Trung kỳ của báo *Lục tỉnh tân văn*. Tờ riêng ấy đặt tên là *Đông dương tạp chí*» xuất bản ngày 15 Mai 1913.

Tờ báo là tờ báo của người Pháp, mục đích chính là chính-trị nhưng tiên-sinh không bỏ lỡ dịp là đem cái mơ tưởng mình vẫn ôm ấp thực hành trên tờ báo ấy.

«Bản báo dựng nên cốt ở việc đem cái học thuật Thái-tây, dùng tiếng nôm ta mà dạy phổ thông cho những người An-nam không phải đi học nhà trường cũng học được hoặc đã đi học rồi mà học thêm.

«Cổ động cho dân An-nam ai cũng dùng chữ quốc ngữ mà thế vào cái lối chữ khó-khăn, học xuốt đời người mà chẳng mấy người biết được lấy cách dùng chữ mà thôi, chứ đừng nói học nữa. Đó lại là việc tối yếu của bản báo.» (Đông dương tạp chí *số 2 xuất bản ngày 22 tháng Mai 1913*).

Vẫn là cái chương-trình cũ;

— Đem cái học Thái-tây phổ-thông trong đám dân (bằng cách dịch-thuật).

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

— Cổ động sự học chữ quốc-ngữ.

Thực hành phần thứ nhất của chương trình, trong thời kỳ này tiên-sinh dịch những bản sách hay của Âu-tây đăng trong bốn năm năm.

Đáng chú ý nhất là trong mục « Pháp văn tạp thái » khi tiên sinh hoặc một người đồng chí — đem một đoạn pháp văn ra dịch, khi đem một vấn-đề văn học ra bàn, mục đích là phổ thông cái học trong đám người « không phải nhà trường mà còn học được ».

Làm việc cho quốc văn không khi nào tiên sinh sốt sắng bằng lúc này. Ta mấy nghe tiên-sinh cổ-động :

« Thực là một vấn đề gấp và quan hệ mà không mấy người lo đến.

« Các nho-gia nước Nam, tuy phần nhiều cũng đã chịu rằng từ nay học phải lấy quốc-văn làm gốc, nhưng mà coi ý thì nhiều người chịu bề ngoài vì cái lý nhỡn tiền nó bắt phải chịu, mà trong vẫn còn tiếc cái cao thú ngâm nga, vì phải bỏ đi thì thực đau lòng sát ruột.

Ấy cũng là vì xưa nay, ở nước Nam mình các bậc thượng lưu chỉ nhờ có cách học riêng khó khăn ấy mà được ở trên nhân chúng, giùi mài biết mấy mươi mới được làm đầu bốn dân mà nay một chốc từ chối hẳn cái tài ấy đi, nói rằng từ rày học vấn mọi người không ở như chữ năm xe nữa, chỉ dùng ở tiếng nôm mình là một tiếng ai cũng nói, ai cũng biết, ai cũng có thể lên tập lấy hay... thì hồ dễ đã mấy kẻ có lượng nhỏn mà bỏ được cái quyền lợi riêng, khốn khổ mới chiếm được ấy.

« Bởi vậy thực nhiều người bề ngoài nội rằng vụ quốc-văn mà trong lòng không muốn cho quốc-văn được nên gốc nghề học, có khi việc vụ quốc-văn lại thành ra một dịp lề [illegible] cái tà *chí hồ dã giả*. Lấy văn nho mà khoan nôm, dùng Hán tự mà phủ dụ người ta mà học quốc-ngữ, đó là mấy kẻ phảo gian [illegible] thôm.

« Trong các quan An-nam kẻ hay chữ nho mà hay cả nôm cũng nhiều chớ có ít đâu, nhưng mà ông nào kiêm được cả hai tài ấy, đến đây cũng có ý rập cái tài nôm là tài dễ dì, mà coi cho cái tài kéo nầy ra mà thôi.

« Thành ra thực vụ quốc-văn, đẳng vào phe quốc-văn chỉ có học Tây-học.

Trong đám Tây-học thì mấy người biết chữ nho mà nguyên âm mình thì nghề [illegible], phàm văn chương nôm, muốn đàm luận đến những việc hơi cao một chút phải có phe chữ Hán mới xong, vì chữ Hán đã thêm nhiều vào tiếng Annam mình. Thành ra đẳng quốc văn ta vẫn kém lực, kém nhưng chẳng không đến nỗi phải đành thoái, vì sự học quốc-ngữ là một sự bất-đắc bất-nhiên, là một việc sống chết của nước Nam ta.

« Dốc gì các bực nho mình trong nước Nam, ông nào cũng lo việc gây văn chương của nước mình và đồng tình với bốn quán (B. D. T. C) sẽ hết lòng mà giúp cho bốn quán thành được việc hay và có ích lâu dài cho người An-nam ấy. »

(*Còn nữa*)

LÊ THÀNH

(1) Đăng nguyên văn trong Đông-dương tạp-chí số 813 và 814 ngày 15 và 22 août 1907.

ĐÓN COI BÀI

« Khảo dấp ông Lê Văn Trung báo quốc gia »

của Lăng Đền

Nguyễn tấn Minh

Đón coi :

QUANG-TRUNG TẬP II

của Hoa-Bằng Hoàng-thúc Trâm

Sách dày hơn 300 trang có nhiều tài liệu quí giá như *ăn Trung lang tướng, biểu đôi đất, bẻ cầu hôn với công chúa Mãn-Thanh, tiền đồng đời bấy giờ, cùng nhiều tranh phụ bản* kèm thêm nhiều [illegible] ích cho [illegible] thêm hiểu-tự.

Quyển thứ II này mới là thời kỳ hoạt động [illegible] của Quang-Trung và là một công trình biên khảo công phu của tác giả.

Sẽ ra vào đầu tháng Août 1944

Giá : 8$00

Viết thư về cho :

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chanceaulme — Hanoi

Giới thiệu

Trước khi ghi lời cám ơn, chúng tôi xin trước hãy giới thiệu hai cuốn sách vừa nhận tặng đây, với các bạn đọc quý mến :

I) **Văn học và triết luận** của Mộng Sơn, Đại học thư xã xuất bản dày 122 trang, giá 2$50.

Đó là bút sắc và đanh của nhà nữ sĩ có tiếng ấy. 14 cuốn sách — đủ cả mọi loại như thi-ca, tiểu thuyết, giáo dục, sử học, từ ngữ học và triết học — đều được phê-bình rất đáng chú ý.

Trong trung có mấy thiên phê-bình này xuất sắc :

Xuân thu nhã tập (tr. 89 - 99)
Kinh cầu tự (tr. 101 — 110)
Mặc tử (tr. 111 — 122)

Phê bình *Mặc tử* của Ngô tất Tố, bình giả viết :

(... ông (Ngô) đã chịu ảnh-hưởng sâu xa của bác-sĩ Hồ Thích.... ông đã mượn rất nhiều vốn của tác giả *Trung quốc triết học sử đại cương*) Rồi bình giả khám phá ra rằng từ thiên « Luận-lý học của Mặc-tử » đến thiên « Tại sao Mặc học diệt vong » trong sách Mặc tử của ông Ngô đều là những « phản ảnh của những mục này » trong sách của Hồ Thích : « Mặc tử dịch triết học phương pháp »... « Mặc học kết luận » v.v. (V.H.V.T.L. tr. 113 — 115). Thế đủ tỏ rằng bình giả cố cặp mắt quán triết tinh tế.

Về *Xuân thu nhã tập*, nữ sĩ ba những lời phê bình như : « *Là thực tự trùng* hay là *hủ âu* nào có mới lạ gì hơn *hủ nho* đâu ! Cái học *nhai sa, có đi vào, cố đi ra mà không có tiêu hóa*, có khác gì cái *học vào lỗ tai ra lỗ miệng đâu* » (V. H. V. T. L. tr. 97)

Với giọng mạnh bạo và đanh thép đại khái như vậy, tôi tưởng, bên nam giới cũng ít có cây bút hơn được.

Hiềm vì đây mới chỉ là mấy lời giới thiệu, nên chúng tôi không thể đi quá hơn nữa.

II) **Hoa mộng** của Tường Vân — Nhà Thanh tạo, Vinh, xuất bản, sách khổ rộng, dày 87 trang, giá 3$80. Tập này gồm cả thơ soạn và thơ dịch.

Có những câu đáng đọc như :

«...*Một lần đánh với Bắc-quân,*
Nghìn thu để khách hồng-quần làm gương !
Lá cờ nghĩa sắc vàng còn đó,
Bóng trăng trong soi tỏ non sông... »

T. T.

2è édition :

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs
(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)
Prix 2$00 — Port recommandé 0$32
Librairie Đông-Tây, 195 Rue du Coton — Hanoi

... tiếng Việt-nam

(*Tiếp theo trang 13*)

Việt-ngữ với tiếng Tầu cũng vậy. Non hai nghìn năm, ta chịu ảnh hưởng Trung-quốc, mà có ai nói ta mượn tiếng Tầu ta hậm-hực không bằng lòng. Ta muốn là người Việt-nam thuần-túy, nhưng đâu có đổi được nguồn gốc tiếng Việt-nam. Lòng tự-ái nhiều khi làm cho ta nhầm mà không biết. Xưa ta hàu-vi, nhờ được láng-giềng giúp cho ít vốn, nên nay đã trở nên một nhà thương-gia triệu-phú. Ta không nên cậy tài kinh-doanh mà quên nghĩa cũ tình xưa. Huống chi tiếng Việt-nam, tuy chung một cỗi rễ với tiếng Tầu (nói thế có nhẽ ông Nguyễn-văn-Nho bằng lòng hơn), nhưng hiện nay đã thành ra tiếng riêng của mình. Người Việt-nam nói người Việt-nam hiểu : người Trung-quốc có muốn cũng không có thể nhận là tiếng của họ được.

Một lần nữa, tôi xin Nguyễn-quân bớt giận làm lành. Mục khảo cứu về nguồn-gốc tiếng Việt-nam còn dài, nó cũng quanh đi lộn lại như truyện con voi Việt-nam vậy.

Con vòi con voi
Có cái vòi đi trước
Hai chân trước đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi đi sau rốt

Tôi xin ông Nguyễn-văn-Nho cho tôi kể nốt chuyện con voi, rồi ông hẳng phê-bình.

Pnompenh, le 5 Juillet 1944
ĐÀO TRỌNG ĐỦ

Một quyển sách...

(Tiếp theo trang 5)

Thanh-niên có cái thói ăn nói hàm-hồ, nên mới đổ cho người ta « trích sai » ! Thế câu « Thà chết *không chịu* nhục » và câu « Ne *vaut*-il pas mieux... », ai viết là « Thà chết *Chẳng Thà* nhục » và « Ne *vaudrait*-il pas mieux... » ? (*Thanh niên*, số 36, tr. 11). Lại nói « trích thiếu » ! Đã « trích », sao gọi là « thiếu » ? Thế mà dám bẻ văn người ! Thảo hèo tục-ngữ có câu « Tay mình những lăm bê-bê, lại cầm bó đuốc mà đê tay người » !

Bài làm dở hoặc, mà dám xin đăng lại ! Có đoạn cả bằng thành câu-kệ gì cả, có câu chỉ có hai chữ mà cũng không đặt nổi, như câu « Vậy thì chữ *Thà* và chữ *Chẳng thà* đồng nghĩa với nhau chỗ nào ? Thật vậy » (*Thanh niên*, số 33, trang 7). Sao đang hỏi « chỗ nào », lại trả lời là « thật vậy » ? Có phải là « ngây-ngô như Xá đại » không ? Thế mà dám xin đăng lại !

Đến tục-ngữ, cũng không biết dẫn, như câu « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng » ở *Thanh niên*, số 36, tr. 11, hay câu này ở *Thanh niên*, số 33, tr. 6, cũng về bài chữ thà và chẳng thà : « Sau nầy, nếu tiên-sinh nghĩ nên « mắng », nữa, hãy cứ Linh-Chi tôi mà mắng, xin đừng « vơ đũa cả nắm » mà mếch-bụng kẻ vô-can ». Nếu cắt nghĩa thế nào là « gần mực », thế nào là « vơ đũa », tất phải « rút dây động rừng », phải thi-du chủ-bút dã... thế này, thì trợ-bút... tất thế kia ! Bởi thế, tôi không trả lời những câu ấy. Tôi chỉ bảo cho *Thanh-niên* những câu lố-bịch như câu này : « Những lý lẽ của ông đề bình-vực chủ-trương ấy, cũng lần-quần trước sau như một » ! « Chủ-trương ấy » là cái gì ? Sao không dở *Việt-Nam tự-điển* ra mà xem ? Lại « lý lẽ » là thế nào ? Trước sau tôi chỉ dẫn sách và dẫn tự-vị cho Thanh-niên biết chỗ nhầm, không hề viện đến « lý-lẽ » nào cả.

Thế mới biết tác-giả bài *Thấy đâu nói đó* của *Thanh-niên* không đáng cầm bút viết báo : nói tiếng Nam còn ngọng, lẫn chữ « nhầm » với chữ « nhằm », — chưa hiểu nghĩa những chữ tầm-thường, như chữ « trích », chữ « lý-lẽ », — làm văn chẳng khác gì người mới tập, như câu « bình-vực chủ-trương ấy, — lại có tính vu khống đồ cho người ta « trích sai » mà chính mình lại hay trích sai !

Nếu *Thanh niên* không sửa lại, tôi sẽ dẫn nốt những chỗ sai-ngoa, để độc-giả biết hết cái tối cái kém của *Thanh-niên*.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Đến đoạn dưới Thanh-niên lại nói : « nếu chữ Thà với Chẳng thà mà dùng chung trong một câu, thì nhất định (?) tôi không đồng-ý với cụ Ứng-hòe ». Thế ra Thanh-niên « không đồng ý » cả với tự vị à ? Tự-vị Génibrel (tr 802) và các tự vị Việt Pháp đều dịch chữ « thà chẳng thà ... » là « plutôt ... que de », tự-vị Génibrel lại dẫn câu « Thà chết, chẳng thà phạm tự gì thẹn thùng xấu hổ » (Plutôt mourir que de forfaire). Các sách lấy dịch tục-ngữ ta cũng thế, tôi dẫn thêm câu này để Thanh-niên ghép chữ « nguyện » cho độc-giả được một trận cười hãng : « Thà chết vững chân trâu, chẳng thà chết khu đầu đến ». Thế là tạm đủ, bây giờ tôi trích mấy đoạn mẹo lấy để trả lời cho những bạn đọc báo đã viết giấy hỏi tôi về cách dùng chữ « chẳng » (ne) trong Pháp-văn : « Depuis les origines de la langue, ne accompagne le verbe dans du verses propos tout par exemple après le verbe craindre. C'est une syntaxe héréditaire. On trouve dès le Roland des exemples où elle est abandonnée ; pourtant elle s'est conservée jusqu'à nos jours. Ex : Je crains qu'elle ne soit malade ; Cf. prenez garde qu'il ne tombe ; Eoitez qu'on ne le voie ; Il s'en est fallu de peu qu'il ne tînt ; Il ne viendra pas à moins qu'on ne l'en ait prié. L'usage a introduit ce ne dans non moins de phrases et usiques. Ex : Il me tarde déjà que je n'aie des habits raisonnables (Molière, 2). Ce ne n'a plus de valeur négative. Quand réellement l'on veut exprimer la négation on se sert de ne pas. Ex : Je crains qu'il ne réussisse pas. Ne n'est qu'une sorte de particule modale adjointe au verbe et dont le sens est si vague qu'elle peut manquer sans dommage dans bien des cas. Ce n'est plus qu'un mot vide. Elle est souvent inutile et moins encore si dans la phrase qui suit « ne pas douter » qui exprime une conséquence certaine. Aussi Mme de Sévigné brave-t-elle la règle : Je tend sa clarté au feu et cherche si près de moi que je ne dis pas qu'elle fût ici (Lettre, 13) Il en est aussi à propos d'un très beau des vers de Vau étus à donné ses mauvais exemples après que je me suis, un mauvais exemple qui n'a été que trop suivi. Avec « il n'est pas impossible », au XVIIe siècle la proposition secondaire prenait toujours le ne modal : Il n'est pas impossible qu'il ne survienne des accidents (Mathurin, 18) ; N'est-il pas impossible que Jacqueline n'eût pris au sérieux pour la tête Rac., P. R., 103) On a tâché de dessiner sans aboutir à rompre tout usages. Quelle que fût mon opinion sur sa doctrine, je ne pouvais pas m'en à elle fût orthodoxe (Ass., Chateaubr., 114) On peut presque dire que ne est un mot gâché » (Brunot, La pensée et la langue, tr 525)

2) Thanh-niên đã biết phê mình có « chữ bọt, chữ sai » tại phải chăng, sao lại xin đăng lại ? Có ai lại đăng lại những « chữ bọt, chữ sai » để làm trò cười cho thiên hạ không ?

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lồng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đục thư quốc nan đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 5

Nàng sụp xuống chân Vương. Chàng nâng nàng dậy và nói :

— Sao công chúa lại thế ? Tình công chúa mênh-mang như trời bể, tôi là kẻ vô biên, thực không tả hết được chút tâm thành. nếu nay mai tâu khúc khải hoàn, tôi được vô sự, nguyện xin đem thân khuyển mã đáp ân. Nhưng nếu rủi ro ngoài trận...

— Tôi đã hiểu ý vương, nhưng xin vương đừng nói nữa. Tôi đã quyết một bề.

Ngoài vườn đã có tiếng chim hót sớm, và qua khe cửa son, đã lọt lờ mờ ánh sáng bên ngoài. Chàng nói :

— Sáng rồi. Đêm vui trông quá. Tôi phải đi thôi, xin cùng công chúa vĩnh biệt.

Chàng gập bức thêu của An-Tư tra vào túi gấm bên bức thêu của mẫu thân chàng, rồi cho vào bọc. Nàng thổn thức.

Vậy đã sáng rồi ! Vương đi nhé, tôi một lòng chờ đợi chúc vương trông nên danh anh hùng. Vương hãy uống chén chè cho tỉnh — Tôi mới pha.

Chàng tiếp lấy, uống ngon và khoan khoái.

— Đa tạ công chúa. Từ lúc nãy quên khuấy đi. Tôi vào đây chào công chúa, thủy chung muốn lưu tặng một vật mọn này. Xuýt nữa thì không nhớ ra, vì lòng hoang mang quá.

Chàng lấy ở bọc ra một chiếc hộp ngà, chạm trổ rất khéo mở ra, trong dựng một đôi vòng ngọc thạch, trân trọng trao cho nàng.

An-Tư tiếp lấy, cảm xúc quá, không sao nói được. Lâu lâu sẽ nói :

— Đa tạ vương...

— Tôi xin phép công chúa cho tôi đi. Xuốt đêm thức, công chúa ngày hôm nay nên ngủ nhiều cho lại sức, kẻo có bại ngọc thể.

Nàng giúp chàng cho đẩy lên vai. Chàng cầm tay nàng và nói;

— Công chúa ở lại nhé !

— Vương đi.

Cánh cửa son mở. Trời đã sáng lờ mờ. Trận gió đêm qua thổi mạnh, làm rơi hầu hết cánh hoa đào nở trước xuân, phủ đặc vườn như tuyết hồng. Chàng bước ra, như ngã xuống, một vực sâu lạnh giá, và nàng tiễn chàng đi, như xẻ một nửa người. Chàng cao, nên phải khom khom đi, dỡ những cành cây cành thấp, chàng không nhìn lại, luồn qua một cành đại rồi biến vào sau một bụi tre ngà. Nàng vẫn đứng vịn tay vào cửa, đầu ngả vào tay thẹo rồi bước tình lang. Vườn đang dâng nhựa mới, nàng trông cây cối mung-lung như trong cơn mưa. Trên cành cây đại, một đôi vành khuyên nhởn nhơ bay riu rít. Đôi chim dần dần biến đi trong mắt nàng thành một lứa tình nhân quấn quýt vui cùng tuổi trẻ, ý xuân, bên cành đào gốc lý. Dần dần hình ảnh ấy cũng phiếu diễu, cũng xa xăm xóa hết vì lệ mờ, và nàng đứng im lìm không động, đẹp như pho tượng giai nhân, má phấn long lanh như cánh hoa đào trước mặt...

II

Chiêu-Thành vương Trần-Thông là con cả Thái-úy Khâm-Thiên Đại-vương Trần-nhật-Hiệu, Khâm-Thiên khi mất mới 44 tuổi, sinh hạ được bốn con, cả là Thông, thứ là Nhiếp, sau là hai người con gái.

Sinh trưởng ở một gia-đình quý tộc, sung túc, Trần-Thông tuy mồ côi cha từ bé, nhưng được dạy dỗ chu đáo. Bà mẹ là người cương quyết, thông minh, nên ảnh hưởng về đường giáo-dục của chàng rất lớn, Vương cũng có học vấn, nhưng thiên về võ hơn và có một tinh thần thượng võ rất cao. Nguyên do cũng vì chung quanh vương, kể từ các vương hầu cho đến dân gian ai ai cũng ham luyện tập côn quyền. Vương tinh thông cả 18 ban võ nghệ, nghe đâu có thầy giỏi là đi tìm hay đón về nhà. Thường mời những dũng sĩ các nơi đến tỉ thí, ai có môn võ nào hay là học cho bằng được mới thôi. Vương lại rất ham đánh vật, môn thể-thao tinh bành nhất đời

Trần, mỗi khi cởi trần đóng khố ra sân vật, ai cũng phải trầm trồ khen ngợi thân Linh lực sĩ của chàng: Bắp thịt nở nang, lần từng mũi da chằng ngăm ngăm, nên trông vững trãi như một pho tượng đồng. Tính chàng lại hiếu thắng, không chịu thua ai, trong các cuộc tranh-đấu bao giờ cũng dai và bền, đối-phương nhiều khi bị thua vì thế. Không những trăm luyện tập thân thể, chàng còn sành bơi lội, hạm sạn bắn, thường đi thám hiểm những hang sâu động lớn, vượt biển đè sóng, hoặc lên núi vào rừng, bắt được thú bao đem về luôn luôn.

Là một vị vương tước, chỗ chí thân của nhà vua, Trần-Thông được quyền mộ các trai tráng trong vùng làm quan bản bộ. Trước còn vài trăm, sau năm trăm một nghìn, sau nghìn rưởi, hai nghìn, chàng có lấy hiệu quân « Tinh-vương » của tướng [illegible]

Đôi lời cảm tạ

Cuốn Làm bếp gỏi của bà Vân-Đài, ra đời được các bạn rất hoan nghênh, nên chỉ trong vòng mười lam ngày Làm bếp gỏi đã bán hết.

Nhà xuất bản Phụ-nữ, xuất bản cuốn sách đầu tiên, được các bạn chiếu cố như thế, chúng tôi rất lấy làm cảm tạ.

Muốn đền đáp chút ơn tri ngộ, từ nay đến cuối năm, chúng tôi sẽ cố gắng cho xuất bản những cuốn sách này, đều do những cây bút có tiếng viết giúp:

Phụ nữ với cuộc nhân sinh của *bà Lê doãn Vỹ*
Bà Curie của *bà Lê doãn Vỹ*
Người Nội trợ của *bà Vân Đài*
Lửa đôi của *bà Vân Đài*
Đời sống của Victor Hugo của *bà Lan Đài Đào sỹ Chu*
Bà Huyện Thanh Quan của *ô Bằng bá Lân*

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
118, Duvillier — Hanoi

Khâm-tiết khi trước. Nền nếp cũ kiểu nghiêm sự chỉ bảo của cả vị vương hầu thời hơn, và sự đọc sách nói về nghề binh đã giúp chàng luyện được một đoàn binh có kỷ luật, có sức tranh đấu rất mạnh, hoàn toàn phục tùng chàng. Tỷ [illegible] Thông đã tỏ ra một viên

Giáo dục, tinh thần và thực vị chàng đã đào tạo nên một người dũng kiện, quả cảm, thông minh, nguy hiểm, khéo chỉ huy, lúc nào cũng sẵn sàng ủng hộ Quốc gia, và có tiếng gánh vác được những nhiệm vụ khó khăn.

(Còn nữa)
NGUYỄN HỮU TƯỜNG

MUỐN CON HIỀN, CHÁU THẢO
TRONG NHÀ HAI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU KINH
(có nguyên văn chữ Hán)
Giá: 1 $ 20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 $ 80
Lịch-sử Báo-Chí	2 $ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 $ 50
Phụ-nữ Việt-Nam	2 $ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 $ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 $ 00

QUỐC-HỌC
THƯ-XÃ HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản
NOUVELLE TRADUCTION
DU
KIM VÂN KIỀU
của M R
Một bản dịch Pháp văn lộ hết tinh thần cuốn « ĐOẠN TRƯỜNG TÂN-THANH » một cuốn sách quí cho bạn yêu thơ yêu văn.
bản in mỹ thuật có hạn, 150 trang khổ 17x23
bản thường 6$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 10$00, cước 1$00

LÊN CUNG TRĂNG
Truyện Địa dịch tiểu thuyết
của Voyage autour de la Lune của Jules Verne
220 trang khổ 17x23 bìa 3 màu và 26 bức phụ bản của Mạnh Quỳnh vẽ.
bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00
Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes Hanoi

25 Juillet có bán—

VĂN MINH SỬ

Trong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của
NGUYỄN BẠCH KHOA

— Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại.
— Dò tìm cơ-cấu thành hình của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
— Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm trước đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tới cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại.

Loại thường bán 6$00 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20 % cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội dung sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ tiền nong xin đề :
ô. Nguyễn văn Minh
Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi
Haiphong, 52 — Doumer — Haidương Kinh-môn phố Yên lưu

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Fevrier 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn Tân — Tòa 95—97 Chaucealma, Hanoi